

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
1	202202001	ĐINH THỊ RI	A	26/09/2004	K11TN	14	8	14	10	46	Không đạt	
2	202006001	ĐỖ MAI	AN	01/10/2002	K11CC4					0	Không đạt	Vắng
3	202104001	VŨ XUÂN	AN	18/02/2003	K10L1	10	3	6	5	24	Không đạt	
4	202104002	HOÀNG BÌNH	AN	19/11/2003	K10L2	12	0	11	3	26	Không đạt	
5	202104005	TRẦN HOÀNG	AN	05/07/2003	K10L5	13	9	15	10	47	Không đạt	
6	202104006	MAI TUẤN	AN	26/06/2003	K10L6	8	3	14	5	30	Không đạt	
7	202106002	NGUYỄN THU	AN	22/05/2003	K10CC2	17	17	18	9	61	Đạt	
8	202204001	ĐOÀN ĐAI	AN	06/10/2004	K11L2	17	13	15	11	56	Đạt	
9	202204002	NGUYỄN HỒNG	AN	23/09/2004	K11L3	16	9	15	8	48	Không đạt	
10	202104007	PHAN THỬA	ÂN	09/11/2003	K10L1	10	11	11	5	37	Không đạt	
11	202002002	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	15/11/2002	K9TN	12	8	16	3	39	Không đạt	
12	202004011	TÔ TIẾN	ANH	04/05/2002	K9L2	11	0	12	4	27	Không đạt	
13	202101001	ĐỖ QUANG	ANH	19/01/2003	K10D	9	0	14	4	27	Không đạt	
14	202102001	LÊ THỊ MINH	ANH	08/10/2003	K10TN	9	0	8	3	20	Không đạt	
15	202102002	NGUYỄN KIM	ANH	08/08/2003	K10TN	7	9	8	9	33	Không đạt	
16	202102006	NGUYỄN MỸ	ANH	30/12/2003	K10TN	20	18	17	16	71	Đạt	
17	202103002	NGUYỄN HẢI	ANH	03/09/2003	K10XH	8	6	7	6	27	Không đạt	
18	202103003	NGUYỄN TUYẾT	ANH	20/09/2003	K10XH	15	15	12	13	55	Đạt	
19	202103004	PHẠM HẢI	ANH	12/08/2003	K10XH	15	1	8	0	24	Không đạt	
20	202103006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	21/10/2003	K10XH	20	19	16	17	72	Đạt	
21	202103007	HÀ NGỌC	ANH	30/09/2003	K10XH	14	0	6	5	25	Không đạt	
22	202103008	BÙI PHƯƠNG	ANH	02/09/2003	K10XH	14	0	13	8	35	Không đạt	
23	202103009	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	ANH	14/04/2003	K10XH	13	3	6	3	25	Không đạt	
24	202103010	PHẠM VIỆT	ANH	18/09/2003	K10XH	13	5	5	11	34	Không đạt	
25	202104008	CHU HỒNG	ANH	01/05/2003	K10L2	12	8	10	8	38	Không đạt	
26	202104010	ĐÀO PHƯƠNG	ANH	18/02/2003	K10L4	14	6	13	6	39	Không đạt	
27	202104012	HOÀNG NGỌC	ANH	28/02/2003	K10L6	18	10	17	10	55	Đạt	
28	202104014	NGUYỄN NGỌC	ANH	20/08/2003	K10L2	15	17	22	13	67	Đạt	
29	202104015	NGUYỄN QUẾ	ANH	24/12/2003	K10L3	11	9	8	8	36	Không đạt	
30	202104016	NGUYỄN TRẦN MINH	ANH	24/02/2003	K10L4	12	12	12	6	42	Không đạt	
31	202104017	PHẠM ĐỨC	ANH	23/08/2003	K10L5	24	18	22	15	79	Đạt	
32	202104019	DƯƠNG HOÀNG	ANH	21/01/2003	K10L1	14	5	12	5	36	Không đạt	
33	202104022	ĐỖ VÂN	ANH	27/10/2003	K10L4	10	10	15	5	40	Không đạt	
34	202104024	NGUYỄN KHẮC VIỆT	ANH	20/01/2003	K10L6	14	2	10	11	37	Không đạt	
35	202104025	NGUYỄN LAN	ANH	14/08/2003	K10L1					0	Không đạt	Vắng
36	202104028	NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/02/2003	K10L4	16	8	15	2	41	Không đạt	
37	202104033	TRẦN HUYỀN	ANH	04/11/2003	K10L3	12	8	18	8	46	Không đạt	
38	202104034	TRẦN VÂN	ANH	10/03/2003	K10D	10	4	17	8	39	Không đạt	
39	202104036	VŨ THỊ QUẾ	ANH	19/08/2003	K10L6	12	8	14	4	38	Không đạt	
40	202104037	ĐẶNG QUỐC	ANH	17/12/2003	K10L1	20	8	19	9	56	Đạt	
41	202104359	LÊ MAI	ANH	27/05/2003	K10L2	11	9	14	8	42	Không đạt	
42	202104360	LÊ MINH	ANH	15/11/2003	K10L2	12	11	22	8	53	Đạt	
43	202104361	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	08/05/2003	K10L2	12	6	19	10	47	Không đạt	
44	202104363	PHẠM PHƯƠNG	ANH	16/10/2003	K10L5	14	13	18	10	55	Đạt	
45	202104450	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	ANH	19/10/2003	K10L3	22	17	15	22	76	Đạt	
46	202105004	LÊ PHƯƠNG	ANH	02/10/2003	K10NN	15	10	7	9	41	Không đạt	
47	202105006	ĐỖ VŨ PHƯƠNG	ANH	19/04/2003	K10NN	14	5	16	8	43	Không đạt	
48	202106006	ĐÀO NGỌC	ANH	16/03/2003	K10CC7	20	13	22	13	68	Đạt	
49	202106007	ĐINH PHƯƠNG	ANH	19/05/2003	K10CC1	13	16	8	10	47	Không đạt	
50	202106009	LÊ PHƯƠNG	ANH	10/06/2003	K10CC3	15	13	15	11	54	Đạt	
51	202106012	NGUYỄN MINH	ANH	07/09/2003	K10CC6	19	17	16	13	65	Đạt	
52	202106013	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	28/03/2003	K10CC7	17	14	18	11	60	Đạt	
53	202106015	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	11/12/2003	K10CC2	17	10	19	9	55	Đạt	
54	202106016	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	30/04/2003	K10CC3	15	14	14	12	55	Đạt	
55	202106017	PHẠM PHƯƠNG	ANH	04/10/2003	K10CC4	10	10	9	14	43	Không đạt	
56	202106018	PHẠM THỊ BẢO	ANH	21/04/2003	K10CC5	19	11	11	8	49	Không đạt	
57	202106019	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	21/11/2003	K10CC6	21	14	17	12	64	Đạt	
58	202106020	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	27/11/2003	K10CC7	18	16	21	9	64	Đạt	
59	202106022	VŨ THỊ VÂN	ANH	01/12/2003	K10CC1	16	9	17	10	52	Đạt	
60	202106024	BÙI THỊ LÂM	ANH	18/09/2003	K10CC6	12	11	18	11	52	Đạt	
61	202106026	ĐẶNG LÊ CHÂU	ANH	28/10/2003	K10CC5	21	10	17	9	57	Đạt	
62	202106027	ĐẶNG QUỲNH	ANH	14/11/2003	K10CC6	21	17	18	13	69	Đạt	
63	202106033	LÊ THỊ MAI	ANH	04/12/2003	K10CC5	21	8	17	8	54	Đạt	
64	202106036	NGUYỄN HẢI	ANH	25/10/2003	K10CC1	17	3	12	3	35	Không đạt	
65	202106038	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	07/09/2003	K10CC3	14	19	14	12	59	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
66	202106039	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	07/11/2003	K10CC4	22	17	16	9	64	Đạt	
67	202106041	NGUYỄN XUÂN	ANH	12/08/2003	K10CC6	21	21	17	12	71	Đạt	
68	202106042	PHẠM HIỀN	ANH	31/01/2003	K10CC7	8	0	11	5	24	Không đạt	
69	202106043	PHÙNG DUY	ANH	19/05/2003	K10CC1	16	3	12	10	41	Không đạt	
70	202106045	TRẦN TIẾN	ANH	22/09/2003	K10CC3	13	10	14	10	47	Không đạt	
71	202106047	VŨ NGỌC	ANH	24/11/2003	K10CC5	22	15	14	11	62	Đạt	
72	202106048	TRẦN PHƯƠNG	ANH	05/02/2001	K10CC6	21	8	17	3	49	Không đạt	
73	202106049	PHAN THỊ LAN	ANH	18/04/2002	K10CC7	17	19	13	11	60	Đạt	
74	202106051	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ANH	26/09/2002	K10CC2	16	14	16	12	58	Đạt	
75	202202002	LÊ HẢI	ANH	21/10/2004	K11TN	18	18	18	10	64	Đạt	
76	202202003	NGUYỄN QUỲNH	ANH	08/07/2004	K11TN	7	8	7	2	24	Không đạt	
77	202202005	TRẦN PHƯƠNG	ANH	11/05/2004	K11TN	9	0	4		13	Không đạt	Vắng thi nói
78	202202009	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	18/03/2004	K11TN	7	3	6		16	Không đạt	Vắng thi nói
79	202202010	TRẦN HỒNG	ANH	16/08/2004	K11TN	18	14	16	9	57	Đạt	
80	202203004	KIỀU VÂN	ANH	01/10/2005	K11XH1					0	Không đạt	Vắng
81	202204006	BÙI HIỀN	ANH	27/09/2004	K11L6	16	15	19	12	62	Đạt	
82	202204007	BÙI THỊ LAN	ANH	13/05/2004	K11L7	14	8	14	5	41	Không đạt	
83	202204018	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	24/07/2004	K11L5	13	2	11		26	Không đạt	Vắng thi nói
84	202204027	NGUYỄN QUẾ	ANH	15/04/2004	K11L6					0	Không đạt	Vắng
85	202204029	NGUYỄN QUỲNH	ANH	26/11/2004	K11L2	17	10	12	9	48	Không đạt	
86	202204031	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	27/11/2004	K11L4	12	1	16	6	35	Không đạt	
87	202206013	LÊ MINH	ANH	03/04/2004	K11CC6	15	4	19	10	48	Không đạt	
88	202206019	NGÔ LINH	ANH	21/12/2004	K11CC6	15	13	18	10	56	Đạt	
89	202206020	NGÔ NGỌC	ANH	10/12/2004	K11CC6	9	1	11	8	29	Không đạt	
90	202206023	NGUYỄN BÁC BẢO	ANH	13/09/2003	K11CC3	19	13	17	8	57	Đạt	
91	202206030	NGUYỄN NỮ NHẬT	ANH	08/03/2004	K11CC3	15	14	16	8	53	Đạt	
92	202206033	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/11/2004	K11CC6					0	Không đạt	Vắng
93	202206036	NGUYỄN THỂ	ANH	21/05/2004	K10CC1	14	4	10	13	41	Không đạt	
94	202206039	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	23/11/2004	K11CC5	16	8	10	6	40	Không đạt	
95	202206045	NGUYỄN VŨ QUỲNH	ANH	18/09/2004	K11CC5	16	12	9	10	47	Không đạt	
96	202206046	NGUYỄN VŨ VÂN	ANH	26/10/2004	K11CC6	14	8	7	8	37	Không đạt	
97	202206050	PHẠM THỊ TRUNG	ANH	13/01/2004	K11CC4	14	10	15	8	47	Không đạt	
98	202206052	TRẦN DIỆU	ANH	15/01/2004	K11CC6	14	11	11	8	44	Không đạt	
99	202006019	PHÙNG HỒNG	ÁNH	01/01/2002	K10CC6	12	1	8	8	29	Không đạt	
100	202101003	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	29/12/2003	K10D	16	20	14	14	64	Đạt	
101	202102007	ĐẶNG THỊ NGỌC	ÁNH	12/06/2003	K10TN	15	2	11	4	32	Không đạt	
102	202102009	TRƯỜNG MINH	ÁNH	06/05/2003	K10TN	13	3	10	10	36	Không đạt	
103	202102102	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	19/01/2003	K10TN	14	4	17	12	47	Không đạt	
104	202103011	ĐỖ NGỌC	ÁNH	24/01/2003	K10XH	13	3	15	2	33	Không đạt	
105	202106054	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	03/03/2003	K10CC5	13	11	18	8	50	Đạt	
106	202106055	NGUYỄN THU	ÁNH	19/05/2003	K10CC6	19	12	22	15	68	Đạt	
107	202107007	DƯƠNG THỊ HỒNG	ÁNH	01/06/2003	K10TLH	17	11	15	8	51	Đạt	
108	202202011	TRẦN MINH	ÁNH	05/02/2004	K11TN	15	3	15	11	44	Không đạt	
109	202204044	NGÔ HÀ	ÁNH	18/04/2004	K11L2	13	4	13	12	42	Không đạt	
110	202206066	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/01/2004	K11 CC2	15	20	18	14	67	Đạt	
111	202206067	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	26/01/2004	K11 CC3	7	0	13	10	30	Không đạt	
112	202103014	NGUYỄN VIỆT	BẮC	15/12/2003	K10XH	16	9	12	8	45	Không đạt	
113	202106057	MÙI THỊ	BAN	01/01/2003	K10CC1	15	9	15	12	51	Đạt	
114	202104041	ĐẶNG GIA	BAO	14/10/2003	K10L5	13	10	16	16	55	Đạt	
115	202105010	BẢN HỮU	BẢO	01/02/1999	K10NN	11	11	9	9	40	Không đạt	
116	202106059	NGUYỄN ĐẶNG	BẢO	27/07/2003	K10CC3	17	13	16	11	57	Đạt	
117	202103016	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	18/09/2003	K10XH	13	2	15	5	35	Không đạt	
118	202103018	TRẦN NGỌC	BÌNH	05/02/2003	K10XH	15	1	7	0	23	Không đạt	
119	202103020	ĐẶNG QUỐC	BÌNH	02/08/2002	K10XH	13	4	7	13	37	Không đạt	
120	202104368	TẠ THỊ HỒNG	BÌNH	20/06/2003	K10L3	12	9	14	10	45	Không đạt	
121	202203013	DƯƠNG THỊ	BÌNH	15/05/2003	K11XH2	22	17	18	14	71	Đạt	
122	202203014	NGUYỄN THANH	BÌNH	07/04/2004	K11XH1	20	17	19	14	70	Đạt	
123	202101006	LƯƠNG TIẾN	CÀM	23/10/2003	K10D	16	8	12	0	36	Không đạt	VPQC
124	202104042	ĐINH AN	CAO	11/07/2003	K10L6	12	5	12		29	Không đạt	Vắng thi nói
125	202106062	PHAN THỊ KIỀU	CHÂM	18/10/2003	K10CC6	13	13	13	11	50	Đạt	
126	202101200	HUỲNH ĐÀO NGỌC	CHẦU	05/11/2002	K10D	16	9	14	0	39	Không đạt	
127	202206070	DƯƠNG MINH	CHẦU	26/10/2004	K11CC6	18	12	23	15	68	Đạt	
128	202207026	HOÀNG MINH	CHẦU	18/11/2004	K11TLH2	23	16	23	21	83	Đạt	
129	202101007	HÀ THỊ	CHI	19/01/2003	K10D	15	14	17	11	57	Đạt	
130	202102012	TRỊNH PHƯƠNG	CHI	17/11/2003	K10TN	6	0	9	0	15	Không đạt	
131	202104045	BÙI MAI	CHI	04/03/2003	K10L3	18	13	13	8	52	Đạt	
132	202104046	LÊ THỊ QUỲNH	CHI	02/04/2003	K10L4	17	13	17	12	59	Đạt	
133	202104047	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	05/11/2003	K10L5	14	8	13.5	5	41	Không đạt	-25% nghe
134	202106065	NGUYỄN LAN	CHI	27/07/2003	K10CC2	13	12	12.75	15	53	Đạt	-25% nghe

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
135	202106066	NGUYỄN NGÂN	CHI	29/12/2003	K10CC3	14	11	7	8	40	Không đạt	
136	202106068	NGUYỄN NGOC LINH	CHI	19/10/2003	K10CC7	13	8	10	8	39	Không đạt	
137	202107009	HOÀNG THỊ YẾN	CHI	20/11/2003	K10TLH	17	14	17	11	59	Đạt	
138	202203017	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	18/02/2004	K11XH2	14	9	19	12	54	Đạt	
139	202203018	PHẠM THỊ PHƯƠNG	CHI	08/03/2004	K11XH1					0	Không đạt	Vắng
140	202204053	NGUYỄN KIM	CHI	27/03/2004	K11L4					0	Không đạt	Vắng
141	202207028	HOÀNG NGỌC	CHI	02/10/2004	K11TLH1	12	10	14	10	46	Không đạt	
142	202102014	DƯƠNG THỊ	CHINH	22/05/2003	K10TN	9	0	7	5	21	Không đạt	
143	202106069	DƯƠNG KHÁNH	CHINH	23/11/2003	K10CC5	17	13	10	12	52	Đạt	
144	202204059	NGUYỄN CHÂU	CHINH	27/11/2004	K11L4					0	Không đạt	Vắng
145	202104048	CHANG A	CHÙA	17/10/2003	K10L6	12	0	12	3	27	Không đạt	
146	202105014	CHẢ A	CHUNG	03/02/2002	K10NN	13	5	8	0	26	Không đạt	VPQC
147	202202015	LÙ THỊ	CHUÔNG	11/07/2004	K11TN	6	3	8		17	Không đạt	Vắng thi nói
148	202104049	PHAN ẮN	CÔNG	04/04/2003	K10L1	11	3	8		22	Không đạt	Vắng thi nói
149	202204061	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	16/05/2004	K11L6	12	12	10	12	46	Không đạt	
150	202104050	LUÔNG THỊ	CỨC	26/02/2003	K10L2	18	10	14	12	54	Đạt	
151	202104051	DƯƠNG QUỐC	CƯỜNG	03/05/2003	K10L3					0	Không đạt	Vắng
152	202104052	LÒ VĂN	CƯỜNG	19/03/2003	K10L4	21	17	16	15	69	Đạt	
153	202105016	CAO MẠNH	CUÔNG	18/12/2003	K10NN	12	12	16	13	53	Đạt	
154	202106071	NGUYỄN MINH	CUÔNG	13/08/2003	K10CC7	12	8	10	13	43	Không đạt	
155	202106072	TRINH HÙNG	CUÔNG	26/05/2003	K10CC1	8	2	6		16	Không đạt	Vắng thi nói
156	202106073	NGUYỄN LÊ TRANG	ĐAI	24/09/2003	K10CC2	16	12	16	14	58	Đạt	
157	202102015	VŨ TIẾN	ĐAM	29/04/2003	K10TN	14	11	17	8	50	Đạt	
158	202106074	PHẠM LINH	ĐAN	10/08/2003	K10CC3	13	14	17	13	57	Đạt	
159	202104054	NGUYỄN HẢI	ĐANG	23/04/2003	K10L6	16	10	12	13	51	Đạt	
160	202202019	ĐINH DUY	ĐANG	28/02/2004	K11TN	15	11	9	12	47	Không đạt	
161	202104056	PHẠM ANH	ĐÀO	22/10/2003	K10L2	12	2	14	13	41	Không đạt	
162	202105018	LÝ ANH	ĐÀO	11/11/2002	K10NN	14	8	17	10	49	Không đạt	
163	202102016	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	23/10/2003	K10TN	9	3	6	0	18	Không đạt	
164	202104057	BÙI ĐỨC	ĐẠT	03/06/2003	K10L3	5	3	11	12	31	Không đạt	
165	202104058	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	16/07/2003	K10L4	14	8	12	11	45	Không đạt	
166	202104060	VŨ MẠNH	ĐẠT	29/10/2003	K10L6	14	12	16	13	55	Đạt	
167	202104062	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	13/09/2003	K10L2	14	9	14	9	46	Không đạt	
168	202104369	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	01/02/2003	K10L4	13	3	14		30	Không đạt	Vắng thi nói
169	202104370	TRINH NGUYỄN	ĐẠT	11/07/2002	K10L6	16	11	14	10	51	Đạt	
170	202106077	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠT	04/06/2003	K10CC6	15	8	13	14	50	Đạt	
171	202106078	TRẦN TUÂN	ĐẠT	18/08/2003	K10CC7	13	8	8	13	42	Không đạt	
172	202104371	NGUYỄN VIỆT	ĐIỆP	29/10/2003	K10L3	14	4	14	5	37	Không đạt	
173	202202023	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	26/08/2004	K11TN					0	Không đạt	Vắng
174	202104063	TRƯỜNG CÔNG	ĐỊNH	05/10/2003	K10L3	13	0	11	4	28	Không đạt	
175	202106081	NGUYỄN TIẾN	ĐỊNH	25/02/2003	K10CC3	17	15	15	14	61	Đạt	
176	202104066	LÒ KIM	ĐÔNG	23/08/2003	K10L6	21	11	19	9	60	Đạt	
177	202104372	PHẠM PHƯƠNG	ĐÔNG	13/06/2003	K10L2	21	17	22	15	75	Đạt	
178	202104067	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	10/10/2003	K10L1	9	0	5	4	18	Không đạt	
179	202104068	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	18/06/2002	K10L2	11	5	6	14	36	Không đạt	
180	202104070	TRIỆU QUANG	ĐỨC	24/02/2003	K10L4	14	0	14		28	Không đạt	Vắng thi nói
181	202106085	ĐÌNH MẠNH	ĐỨC	11/11/2003	K10CC7	20	13	16	12	61	Đạt	
182	202106086	LÊ ẮN	ĐỨC	21/05/2003	K10CC1	13	0	6		19	Không đạt	Vắng thi nói
183	202106411	TRẦN NGỌC	ĐỨC	08/04/2003	K10CC6	20	17	23	0	60	Không đạt	VPQC
184	202204080	NGUYỄN THANH	ĐỨC	28/08/2004	K11L5	12	0	9		21	Không đạt	Vắng thi nói
185	202206088	NGUYỄN NGUYỄN	ĐỨC	15/03/2004	K11CC4					0	Không đạt	Vắng
186	202104069	TRẦN XUÂN	ĐỨC	08/11/2003	K10L3	11	2	13	11	37	Không đạt	
187	202101011	HOÀNG MỊ	DUNG	11/02/2003	K10Đ	14	14	9	11	48	Không đạt	
188	202104071	HOÀNG NGỌC	DUNG	14/08/2003	K10L5	17	14	22	16	69	Đạt	
189	202104072	NGUYỄN THANH	DUNG	27/09/2003	K10L5	10	12	19	13	54	Đạt	
190	202105022	LÒ THỊ	DUNG	14/11/2003	K10NN	14	11	11	9	45	Không đạt	
191	202106088	CHU THUỖ	DUNG	06/07/2003	K10CC3	10	10	18	14	52	Đạt	
192	202106089	HOÀNG THỊ	DUNG	05/10/2002	K10CC4	11	5	18	9	43	Không đạt	
193	202204082	HOÀNG THUỖ	DUNG	21/12/2004	K11L7	16	14	18	15	63	Đạt	
194	202102018	LÊ ĐỨC	DỪNG	25/07/2003	K10TN	10	5	18	8	41	Không đạt	
195	202102019	VANG THANH	DỪNG	09/07/2003	K10TN	10	4	18	10	42	Không đạt	
196	202104073	NGUYỄN ĐỨC	DỪNG	27/02/2003	K10L1	11	1	19		31	Không đạt	Vắng thi nói
197	202104074	NGUYỄN TÂN	DỪNG	20/05/2003	K10L2	19	4	19	8	50	Không đạt	
198	202104373	ĐOÀN VŨ	DỪNG	24/10/2003	K10L1	13	3	8	4	28	Không đạt	
199	202104421	HOÀ NGỌC	DỪNG	19/11/2003	K10L4	19	12	10	8	49	Không đạt	
200	202106091	PHẠM HOÀNG ANH	DỪNG	15/07/2003	K10CC6	18	14	10	16	58	Đạt	
201	202204089	NGUYỄN MẠNH	DỪNG	24/09/2004	K11L1	17	15	15	18	65	Đạt	
202	202204090	NGUYỄN TRÍ	DỪNG	06/10/2004	K11L2	11	5	13	13	42	Không đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
203	202204091	TRẦN VŨ	DỪNG	22/10/2004	K11L1	12	9	10	17	48	Không đạt	
204	2019040048	NGUYỄN TIẾN	DỪNG	08/10/2001	K8L3					0	Không đạt	Vắng
205	202101012	BÙI QUỶ	DƯƠNG	24/10/2003	K10D					0	Không đạt	Vắng
206	202101013	ĐÌNH THẾ	DƯƠNG	12/03/2003	K10D	13	0	7		20	Không đạt	Vắng thi nói
207	202103028	HOÀNG TÙNG	DƯƠNG	15/08/2003	K10XH	15	5	9	0	29	Không đạt	VPQC
208	202104075	LÊ THỊ THUỖ	DƯƠNG	17/02/2003	K10L3	14	3	19	0	36	Không đạt	
209	202104077	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	27/01/2003	K10L5	9	12	13	0	34	Không đạt	VPQC
210	202104078	NGUYỄN KHẮC	DƯƠNG	01/09/2003	K10L6	9	8	10	4	31	Không đạt	
211	202106092	LƯƠNG THU	DƯƠNG	07/09/2003	K10CC7	11	9	15	11	46	Không đạt	
212	202204098	NGUYỄN LÊ HẢI	DƯƠNG	11/02/2004	K11L2	17	8	18	16	59	Đạt	
213	202206097	HÀ QUANG	DƯƠNG	26/08/2004	K11CC6	18	10	16	12	56	Đạt	
214	202206098	LÊ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	23/06/2004	K11CC7	16	10	9	16	51	Đạt	
215	202206102	NGUYỄN THỊ	DƯƠNG	27/08/2004	K11CC5	18	13	9	14	54	Đạt	
216	202206103	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	25/10/2004	K11CC6	19	15	19	15	68	Đạt	
217	202207039	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/11/2004	K11TLH2	12	11	17	13	53	Đạt	
218	202103029	NGUYỄN NGỌC	DUY	20/11/2003	K10XH	10	0	9	8	27	Không đạt	
219	202103030	PHÍ MẠNH	DUY	23/11/2003	K10XH	9	0	9	1	19	Không đạt	
220	202104079	VŨ HOÀNG	DUY	17/12/2003	K10L1	19	8	17	12	56	Đạt	
221	202104080	PHẠM QUANG	DUY	13/02/2003	K10L2	7	0	13	2	22	Không đạt	
222	202104375	NGUYỄN XUÂN	DUY	01/06/2003	K10L5	14	8	21	10	53	Đạt	
223	202104376	TRẦN CÔNG MINH	DUY	12/11/2002	K10L3	13	0	7	1	21	Không đạt	
224	202106099	NGUYỄN TUÂN	DUY	29/04/2003	K10CC7	12	3	5	8	28	Không đạt	
225	202201020	DƯƠNG HOÀNG KHÁNH	DUY	06/01/2003	K11D	10	5	15	12	42	Không đạt	
226	202104377	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	02/02/2003	K10L1	13	16	12	9	50	Đạt	
227	202205026	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	23/05/2004	K11NN2	13	0	13		26	Không đạt	Vắng thi nói
228	202206110	THẦN THỊ	DUYÊN	03/09/2004	K11CC6	10	3	6	11	30	Không đạt	
229	202203030	HOÀNG TRUNG THẾ	DUYỆT	01/01/2004	K11XH2	14	8	13	10	45	Không đạt	
230	202104084	LÊ HƯƠNG	GIANG	03/11/2003	K10L6	19	21	17	18	75	Đạt	
231	202106105	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	08/10/2003	K10CC6	13	14	13	16	56	Đạt	
232	202202031	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	08/08/2004	K11TN	15	11	13	11	50	Đạt	
233	202202032	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	12/08/2004	K11TN	11	0	9		20	Không đạt	Vắng thi nói
234	202206112	NGUYỄN DƯƠNG HƯƠNG	GIANG	21/09/2004	K11CC1	24	20	22	18	84	Đạt	
235	202206117	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	17/07/2004	K11CC5	6	0	9	0	15	Không đạt	
236	202104088	NGHIEM THU	HÀ	11/05/2003	K10L4	13	5	17	4	39	Không đạt	
237	202104087	ĐỖ NGỌC	HÀ	10/03/2003	K10L3	14	10	15	13	52	Đạt	
238	202104090	VŨ THU	HÀ	10/05/2001	K10L6					0	Không đạt	Vắng
239	202105027	BÙI THANH	HÀ	19/01/2003	K10NN	9	0	19	0	28	Không đạt	
240	202106106	PHẠM THU	HÀ	23/09/2003	K10CC7	11	1	17	8	37	Không đạt	
241	202106107	TRỊNH THU	HÀ	07/11/2003	K10CC1	14	13	17	12	56	Đạt	
242	202106109	HOÀNG THỊ THANH	HÀ	12/01/2003	K10CC3	15	11	17	15	58	Đạt	
243	202106111	NGUYỄN MAI THU	HÀ	30/09/2003	K10CC5					0	Không đạt	Vắng
244	202106112	NGUYỄN QUỶ	HÀ	13/02/2003	K10CC6	19	11	21	23	74	Đạt	
245	202106113	QUẦN THU	HÀ	04/06/2003	K10CC7	15	10	11	15	51	Đạt	
246	202106114	TRỊNH NGỌC	HÀ	23/03/2002	K10CC1	14	10	14	17	55	Đạt	
247	202106115	LÊ TRẦN HỒNG	HÀ	20/02/2002	K10CC2	19	17	18	19	73	Đạt	
248	202205028	LÔ THỊ	HÀ	08/12/2003	K11NN2	16	2	16		34	Không đạt	Vắng thi nói
249	202206131	NGUYỄN THU	HÀ	09/12/2004	K11CC4	9	8	12	18	47	Không đạt	
250	2018040040	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀ	16/10/2000	K7L2	9	0	17	16	42	Không đạt	
251	202106116	GIANG THỊ XUÂN	HÀ	06/11/2003	K10CC3	16	8	10	17	51	Đạt	
252	202101015	NGUYỄN VĂN	HAI	12/11/2003	K10D	21	13	14	0	48	Không đạt	
253	202102023	VŨ BÍCH	HAI	11/06/2003	K10TN	20	15	13	16	64	Đạt	
254	202201021	ĐÌNH TRUNG	HẢI	06/07/2003	K11D	20	12	7		39	Không đạt	Vắng thi nói
255	202204109	THẢO HOÀNG	HẢI	03/07/2004	K11L5	11	8	6	8	33	Không đạt	
256	202105028	LÊ NGỌC	HẦN	22/12/2003	K10NN	16	12	12	5	45	Không đạt	
257	202106119	HOÀNG LÊ MỸ	HẦN	18/09/2003	K10CC6	21	16	15	15	67	Đạt	
258	202106120	NGUYỄN TRÚC	HẦN	09/12/2003	K10CC7	20	21	17	17	75	Đạt	
259	202004015	PHẠM DIỆU	HÀNG	13/03/2002	K10L2	18	11	16	16	61	Đạt	
260	202101016	LÝ THỊ KIM	HÀNG	15/11/2003	K10D	16	12	13	5	46	Không đạt	
261	202104091	LÊ LƯU MINH	HẰNG	03/08/2003	K10L1	16	13	17	16	62	Đạt	
262	202104092	CAO THỊ THUỖ	HÀNG	01/12/2003	K10L2	17	8	14	14	53	Đạt	
263	202104093	ĐỖ THỊ THU	HÀNG	02/12/2003	K10L3	18	8	13	5	44	Không đạt	
264	202104094	LÊ MINH	HÀNG	14/06/2003	K10L4	18	12	14	5	49	Không đạt	
265	202106123	NGUYỄN THANH	HÀNG	12/12/2003	K10CC3	15	8	14	15	52	Đạt	
266	202204110	ĐẶNG THUỖ	HÀNG	29/11/2004	K11L5	16	8	14	17	55	Đạt	
267	202206139	PHẠM THUỖ	HÀNG	01/09/2004	K11CC6	19	19	9	15	62	Đạt	
268	202104095	ĐOÀN THỊ	HANH	18/01/2003	K10L5	19	8	15	9	51	Đạt	
269	202104096	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HANH	07/05/2003	K10L6	16	8	7	12	43	Không đạt	
270	202105029	NGUYỄN MINH	HẠNH	11/12/2003	K10NN	16	11	11	5	43	Không đạt	
271	202106125	NGUYỄN NGỌC	HANH	29/08/2003	K10CC5	16	9	14	14	53	Đạt	
272	202106126	NGUYỄN THỊ HỒNG	HANH	07/10/2003	K10CC6	16	16	10	12	54	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
273	202106127	NGUYỄN THỊ	HẠNH	02/07/2003	K10CC7	18	11	14	13	56	Đạt	
274	202204117	NGUYỄN BẢ	HẢO	25/11/2003	K11L1					0	Không đạt	Vắng
275	202106129	NGUYỄN NGỌC	HẬU	22/10/2003	K11CC2					0	Không đạt	Vắng
276	202206144	ĐỖ THỊ	HẬU	06/08/2004	K11CC4	17	18	11	15	61	Đạt	
277	202106130	NGUYỄN THỊ	HIỀN	06/08/2003	K10CC3	13	13	7	9	42	Không đạt	
278	202103033	ĐỒNG THỊ MINH	HIỀN	16/10/2003	K10XH	15	9	10	3	37	Không đạt	
279	202106132	PHẠM THẢO	HIỀN	11/04/2003	K10CC5	19	19	20	18	76	Đạt	
280	202106133	PHẠM THU	HIỀN	04/08/2003	K10CC6	15	4	15	9	43	Không đạt	
281	202106134	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	HIỀN	16/11/2003	K10CC7	13	9	10	17	49	Không đạt	
282	202204122	LƯU THỊ	HIỀN	08/11/2004	K11L2	19	12	13	10	54	Đạt	
283	202206150	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	29/10/2004	K11CC4	10	0	11		21	Không đạt	Vắng thi nói
284	202102026	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	07/04/2003	K10TN	11	8	17	8	44	Không đạt	
285	202204126	NGUYỄN VĂN	HIỀN	23/06/2004	K11L6	16	9	15	5	45	Không đạt	
286	202104097	NGUYỄN VĂN THÀNH	HIỆP	17/09/2003	K10L1	11	0	6	0	17	Không đạt	Vắng thi nói
287	202104098	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	09/07/2003	K10L2	12	2	8	5	27	Không đạt	
288	202106135	PHAN XUÂN	HIỆP	30/09/2003	K10CC1	8	4	15	3	30	Không đạt	
289	202101018	TRẦN XUÂN	HIẾU	27/05/2003	K10D	14	8	14	0	36	Không đạt	
290	202104099	NGUYỄN MINH	HIẾU	06/12/2003	K10L3	15	10	15	8	48	Không đạt	
291	202104100	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	29/08/2003	K10L4	12	8	12	10	42	Không đạt	
292	202104102	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	23/08/2003	K10L6	13	13	15	20	61	Đạt	
293	202104103	PHẠM VŨ	HIẾU	22/12/2003	K10L1	9	0	8	0	17	Không đạt	
294	202104105	NGUYỄN NGỌC MINH	HIẾU	06/09/1998	K10L3	20	20	18	0	58	Không đạt	Vắng thi nói
295	202106136	DUƠNG ĐỨC	HIẾU	18/02/2003	K10CC2	14	8	16	5	43	Không đạt	
296	202106137	NGUYỄN TUÂN	HIẾU	07/02/2003	K10CC3	19	17	22	20	78	Đạt	
297	202201022	LÊ HOÀNG	HIẾU	01/10/2004	K11Đ	9	2	11	4	26	Không đạt	
298	202102027	SÂM MAI	HOA	05/07/2003	K10TN	13	9	12	4	38	Không đạt	
299	202102028	TRƯƠNG THỊ MỸ	HOA	07/06/2003	K10TN	13	10	12	2	37	Không đạt	
300	202103037	NGUYỄN THỊ	HOA	18/01/2003	K10XH	17	10	14	13	54	Đạt	
301	202104107	NGUYỄN THỊ MỸ	HOA	08/03/2002	K10L5	21	22	13	20	76	Đạt	
302	202104108	ĐINH THỊ MINH	HOA	10/04/2002	K10L6	21	8	13	11	53	Đạt	
303	202104109	NGUYỄN NHƯ	HOA	13/06/2003	K10L1	18	14	15	1	48	Không đạt	
304	202104380	LÊ THỊ	HOA	21/11/2003	K10L5	19	19	15	20	73	Đạt	
305	202106139	QUẢN THỊ	HOA	02/01/2003	K10CC5	16	9	13	16	54	Đạt	
306	202206157	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOA	20/01/2004	K11CC4	8	11	14	8	41	Không đạt	
307	202103038	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	HOÀ	20/02/2003	K10XH	18	14	14	13	59	Đạt	
308	202102029	TÔNG MINH	HÒA	07/07/2003	K10TN	22	9	13	8	52	Đạt	
309	202104110	ĐOÀN THU	HOÀI	14/03/2003	K10L2	19	14	14	11	58	Đạt	
310	202104111	CÀ THỊ THU	HOÀI	20/01/2003	K10L3	16	12	15	12	55	Đạt	
311	202107017	LÊ THỊ ÁNH	HOÀI	29/10/2003	K10TLH	10	11	12	8	41	Không đạt	
312	202204136	NGUYỄN THỊ	HOÀI	20/06/1994	K11L1					0	Không đạt	Vắng
313	202104113	NÔNG QUANG	HOÀN	09/11/2003	K10L5	18	8	16	9	51	Đạt	
314	202106140	TRẦN VIỆT	HOÀN	28/04/2003	K10CC6	7	6	6	5	24	Không đạt	
315	202204137	TRẦN NGỌC	HOÀN	09/06/2004	K11L1	18	13	18	16	65	Đạt	
316	202101022	LÊ HUY	HOÀNG	04/10/2003	K10D	17	10	15	11	53	Đạt	
317	202102030	PHẠM HUY	HOÀNG	10/10/2003	K10TN	21	3	17	16	57	Không đạt	
318	202103039	HỒ THANH	HOÀNG	16/11/2002	K10XH	18	4	10	2	34	Không đạt	
319	202106141	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	23/10/2002	K10CC7	14	19	16	12	61	Đạt	
320	202106143	LÊ MINH	HOÀNG	16/06/2003	K10CC2	17	8	19	15	59	Đạt	
321	202106144	TRẦN QUỐC	HOÀNG	21/03/2003	K10CC3					0	Không đạt	Vắng
322	202106145	VŨ VIỆT	HOÀNG	12/12/2003	K10CC4	19	13	18	17	67	Đạt	
323	202204141	PHẠM VƯƠNG	HOÀNG	02/06/2003	K11L6	18	19	11	10	58	Đạt	
324	202204142	NGUYỄN XUÂN	HỌC	11/07/2004	K11L7	9	3	9	10	31	Không đạt	
325	202104114	ĐÀM THỊ	HỘI	15/11/2002	K10L6	18	10	14	8	50	Đạt	
326	202102032	LỖ THỊ	HỒNG	23/08/2003	K10TN	16	10	15	11	52	Đạt	
327	202104115	LỖ THỊ	HỒNG	10/09/2003	K10L1	16	13	8	15	52	Đạt	
328	202106146	ĐẶNG THỊ	HỒNG	07/07/2003	K10CC5	14	4	12	9	39	Không đạt	
329	202106147	NGUYỄN THỊ	HỒNG	24/09/2003	K10CC6	14	12	13	12	51	Đạt	
330	202103040	HOÀNG THỊ	HUẾ	05/11/2003	K10XH	15	10	15	11	51	Đạt	
331	202104118	VŨ THỊ	HUỆ	03/10/2003	K10L4	14	12	13	17	56	Đạt	
332	202202037	NGUYỄN THỊ MINH	HUỆ	13/01/2004	K11TN	12	11	15	2	40	Không đạt	
333	202206172	NGÔ KIM	HUỆ	16/07/2004	K11CC3					0	Không đạt	Vắng
334	202102033	VŨ XUÂN	HÙNG	20/05/2003	K10TN	15	12	13	14	54	Đạt	
335	202104121	LÊ TRẦN	HÙNG	22/10/2003	K10L1	14	0	13	4	31	Không đạt	
336	202104122	TRỊNH VIỆT	HÙNG	07/09/2003	K10L2	17	12	15	13	57	Đạt	
337	202204153	VŨ MẠNH	HÙNG	19/08/2004	K11L1	16	10	8	9	43	Không đạt	
338	202103041	TRẦN DUY	HÙNG	13/12/2003	K10XH	14	0	9	1	24	Không đạt	
339	202104123	PHAN DUY	HÙNG	02/07/2003	K10L3	14	13	13	12	52	Đạt	
340	202104124	TRỊNH NAM	HÙNG	18/11/2003	K10L4	16	8	13	0	37	Không đạt	Vắng thi nói
341	202104125	LÀ DUY	HÙNG	07/11/2003	K10L5					0	Không đạt	Vắng
342	202105036	NÔNG VĂN	HÙNG	08/08/2003	K10NN	8	0	11	4	23	Không đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
343	202204154	BÙI QUANG	HƯNG	22/10/2004	K11L5	16	2	10	0	28	Không đạt	Vắng thi nói
344	202101026	VŨ HOÀI	HƯƠNG	12/06/2003	K10D	11	9	12	5	37	Không đạt	
345	202103042	HỒ THỊ	HƯƠNG	20/09/2003	K10XH	14	8	15	9	46	Không đạt	
346	202104126	PHẠM THANH	HƯƠNG	10/11/2003	K10L6	15	13	10	18	56	Đạt	
347	202104127	TÔ THỊ LAN	HƯƠNG	01/10/2003	K10L1	12	8	10	2	32	Không đạt	
348	202104130	VŨ THỊ DIỄM	HƯƠNG	26/03/2003	K10L4	17	10	14	8	49	Không đạt	
349	202105037	TRẦN LÊ THAO	HƯƠNG	09/12/2003	K10NN	16	14	16	13	59	Đạt	
350	202204163	NGUYỄN MINH	HƯƠNG	23/11/2004	K11L5	14	11	18	18	61	Đạt	
351	202204164	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	11/06/2004	K11L6					0	Không đạt	Vắng
352	202104131	NGUYỄN THUY	HƯƠNG	27/04/2003	K10L5	14	13	15	13	55	Đạt	
353	201906048	HÀ QUANG	HUY	27/07/2000	K8CC1	12	0	13	10	35	Không đạt	
354	202005039	ĐÌNH GIA	HUY	22/12/2002	K9NN2	10	8	8	10	36	Không đạt	
355	202102035	HỒ QUANG	HUY	14/11/2002	K10TN	5	1	7	4	17	Không đạt	
356	202102036	NGUYỄN VĂN	HUY	13/01/2003	K10TN	11	5	12	0	28	Không đạt	Vắng thi nói
357	202104132	TRẦN ĐỨC	HUY	07/08/2003	K10L6	15	2	9	12	38	Không đạt	
358	202104383	NGUYỄN KHANG	HUY	12/07/2003	K10L5	24	18	11	10	63	Đạt	
359	202106156	ĐẶNG TIẾN	HUY	11/09/2003	K10CC1	17	12	11	12	52	Đạt	
360	202107020	NGUYỄN ĐỨC	HUY	30/12/2003	K10TLH	8	0	6	0	14	Không đạt	Vắng thi nói
361	202201024	NGUYỄN QUỐC	HUY	26/04/2004	K11D					0	Không đạt	Vắng
362	202206188	QUẢN MINH	HUY	02/02/2004	K11CC4	10	12	5	14	41	Không đạt	
363	202102037	LÊ MỸ	HUYỀN	29/04/2003	K10TN	14	8	11	13	46	Không đạt	
364	202104136	BÙI THỊ KHÁNH	HUYỀN	28/11/2003	K10L4	17	17	12	11	57	Đạt	
365	202104138	NGUYỄN THANH	HUYỀN	10/07/2003	K10L6	16	8	8	12	44	Không đạt	
366	202104139	PHẠM MINH	HUYỀN	18/10/2003	K10L1	24	22	21	15	82	Đạt	
367	202105038	NGUYỄN THU	HUYỀN	28/11/2003	K10NN	14	1	11	0	26	Không đạt	Vắng thi nói
368	202105039	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	26/03/2003	K10NN	16	8	14	11	49	Không đạt	
369	202105041	ĐOÀN KHÁNH	HUYỀN	02/08/2003	K10NN	11	10	12	13	46	Không đạt	
370	202106159	BÙI THỊ THU	HUYỀN	22/09/2003	K10CC3	16	13	15	15	59	Đạt	
371	202106160	LƯU TỐ	HUYỀN	31/10/2003	K10CC4	12	8	10	9	39	Không đạt	
372	202106161	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	10/01/2003	K10CC5	17	10	14	12	53	Đạt	
373	202106162	PHẠM THU	HUYỀN	25/06/2003	K10CC6	13	12	15	14	54	Đạt	
374	202106164	NGUYỄN THANH	HUYỀN	04/04/2003	K10CC1	12	15	13	15	55	Đạt	
375	202106165	NGUYỄN VƯƠNG THƠN	HUYỀN	05/11/2003	K10CC2	16	19	14	15	64	Đạt	
376	202106166	PHẠM NGỌC	HUYỀN	18/09/2003	K10CC3	18	14	17	15	64	Đạt	
377	202106168	TRỊNH THỊ KHÁNH	HUYỀN	17/09/2003	K10CC5	18	11	17	0	46	Không đạt	VPQC
378	202106169	VŨ THỊ THU	HUYỀN	24/06/2003	K10CC6	18	9	12	13	52	Đạt	
379	202107021	TRẦN THU	HUYỀN	02/05/2003	K10TLH	18	12	14	11	55	Đạt	
380	202107023	MAI THU	HUYỀN	18/06/2003	K10TLH	17	9	16	13	55	Đạt	
381	202204176	LƯƠNG THANH	HUYỀN	11/12/2004	K11L5	15	13	14	13	55	Đạt	
382	202204177	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	28/12/2003	K11L6	18	19	15	12	64	Đạt	
383	202204184	VŨ KHÁNH	HUYỀN	24/12/2004	K11L7	14	8	14	0	36	Không đạt	Vắng thi nói
384	202206192	HOÀNG THỊ THANH	HUYỀN	31/12/2004	K11CC2	12	0	6	0	18	Không đạt	Vắng thi nói
385	202206194	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	29/09/2004	K11CC4	15	13	13	15	56	Đạt	
386	202206200	NGUYỄN THANH	HUYỀN	12/10/2004	K11CC3	13	9	13	13	48	Không đạt	
387	202206201	PHẠM THU	HUYỀN	14/07/2004	K11CC4	13	3	12	13	41	Không đạt	
388	202207058	HOÀNG NGỌC DIỆU	HUYỀN	29/11/2004	K11TLH2	21	21	19	12	73	Đạt	
389	202106170	LÝ TIẾN	HUỲNH	21/08/2003	K10CC7	9	0	13	11	33	Không đạt	
390	202104141	TẠ TUẤN	KHA	25/09/2003	K10L3	13	13	16	13	55	Đạt	
391	202104143	NGUYỄN HOÀNG LÊ	KHANG	13/03/2003	K10L5					0	Không đạt	Vắng
392	202001024	MAI TUẤN	KHANH	06/01/2002	K9D	9	8	9	8	34	Không đạt	
393	202103044	MAI THỊ PHƯƠNG	KHANH	03/10/2003	K10XH	13	5	15	13	46	Không đạt	
394	202106172	NGUYỄN PHẠM BẢO	KHANH	19/09/2003	K10CC2	18	14	18	15	65	Đạt	
395	202206206	NGUYỄN MINH	KHANH	03/08/2004	K11CC1	12	9	11	14	46	Không đạt	
396	202104144	HOÀNG BẢO	KHÁNH	08/12/2003	K10L6	19	16	18	15	68	Đạt	
397	202104145	LÊ THỊ	KHÁNH	11/04/2003	K10L1	15	16	9	13	53	Đạt	
398	202104146	LÊ TÙNG	KHÁNH	10/12/2003	K10L2	13	1	6	5	25	Không đạt	
399	202104384	ĐỖ THỊ MAI	KHÁNH	02/09/2003	K10L6	14	9	15	15	53	Đạt	
400	202106175	VŨ AN	KHÁNH	13/11/2003	K10CC5	16	12	10	12	50	Đạt	
401	202206210	NGUYỄN THỊ	KHIẾU	06/03/2004	K11CC6	17	13	12	11	53	Đạt	
402	202104147	NGUYỄN ANH	KHOA	23/02/2003	K10L3	13	13	5	11	42	Không đạt	
403	202204194	NGUYỄN LÊ	KHOA	19/02/2004	K11L4	22	20	21	15	78	Đạt	
404	202201028	PHẠM ANH	KHÔI	25/12/2004	K11D	16	13	13	10	52	Đạt	
405	202206211	BÙI ĐÌNH	KHÔI	08/04/2003	K11CC1	14	13	19	15	61	Đạt	
406	202104148	NGUYỄN THỊ MINH	KHUÊ	12/02/2002	K10L4	13	0	6	0	19	Không đạt	Vắng thi nói
407	202002025	NGUYỄN THỊ	KHUYỀN	05/08/2002	K10TN	3	0	8	2	13	Không đạt	
408	202101033	TRẦN TRUNG	KIÊN	27/12/2003	K10D					0	Không đạt	Vắng
409	202101034	LÊ TRẦN TRUNG	KIÊN	06/07/2002	K10D	19	0	16	0	35	Không đạt	
410	202106177	LƯƠNG TRUNG	KIÊN	10/05/2003	K10CC7	18	13	17	14	62	Đạt	
411	202204198	LÊ TRUNG	KIÊN	11/05/2004	K11L2	24	13	20	11	68	Đạt	
412	202104149	LƯƠNG HÀ	KIÊN	10/11/2003	K10L5	12	20	12	13	57	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
413	202104150	NGUYỄN TRUNG	KIỆT	12/07/2001	K10L6	10	5	6	5	26	Không đạt	
414	202106180	PHÍ TUẤN	KIỆT	09/10/2003	K10CC3	21	11	14	11	57	Đạt	
415	202104151	LÒ THỊ VIỆT	KIỀU	08/09/2003	K10L1	6	2	13	8	29	Không đạt	
416	202106181	ĐÀO NGỌC	LA	14/06/2003	K10CC4	15	9	15	10	49	Không đạt	
417	202106182	NGUYỄN TRÚC	LAM	06/09/2003	K10CC5	10	12	10	15	47	Không đạt	
418	202101035	NGUYỄN NHẬT BẢO	LÂM	06/08/2003	K10D	9	0	10	12	31	Không đạt	
419	202102042	NGUYỄN TÙNG	LÂM	15/10/2003	K10TN	14	8	13	11	46	Không đạt	
420	202104153	TRINH HOÀNG	LÂM	09/01/2003	K10L3	15	14	14	12	55	Đạt	
421	202106183	HỮA VĂN	LÂM	09/06/2003	K10CC3					0	Không đạt	Vắng
422	202106184	HOÀNG XUÂN	LÂM	28/02/2003	K10CC7	9	0	6	8	23	Không đạt	
423	202102043	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	02/05/2003	K10TN	17	8	13	13	51	Đạt	
424	202104156	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	12/11/2002	K10L6	21	14	19	13	67	Đạt	
425	202104157	HOÀNG	LAN	09/10/2003	K10L1	22	22	20	16	80	Đạt	
426	202105047	HOÀNG NGỌC	LAN	01/07/2002	K10NN	13	0	12	0	25	Không đạt	Vắng thi nói
427	202204205	NGUYỄN HOÀNG	LAN	23/09/2004	K11L7	15	15	12	20	62	Đạt	
428	202204206	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LAN	15/01/2004	K11L1	13	11	14	13	51	Đạt	
429	202206218	HÀ THỊ MAI	LAN	20/11/2001	K11CC6	18	15	13	14	60	Đạt	
430	202204210	HOÀNG KHÁNH	LÂN	24/03/2004	K11L1	18	12	17	17	64	Đạt	
431	202003028	HOÀNG THỊ	LANH	22/12/2002	K9XH	8	8	13	12	41	Không đạt	
432	202105048	PHẠM QUANG	LÊ	25/04/2001	K10NN	7	0	6	15	28	Không đạt	
433	202006089	DƯƠNG VŨ HÀ	LIÊN	05/08/2002	K9CC1	6	0	6	0	12	Không đạt	Vắng thi nói
434	202102044	NÔNG THỊ	LIÊN	10/06/2003	K10TN	12	8	10	12	42	Không đạt	
435	202104160	NGUYỄN THỊ	LIÊN	27/08/2003	K10L4	16	14	14	15	59	Đạt	
436	202204212	TRẦN MAI	LIÊN	17/09/2004	K11L5	19	13	17	16	65	Đạt	
437	202206222	TRẦN THỊ	LIÊN	06/05/2003	K11CC4	7	6	15	11	39	Không đạt	
438	202003033	NGUYỄN TÚ	LINH	08/06/2002	K9XH	9	9	7	12	37	Không đạt	
439	202101038	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LINH	21/10/2003	K10D	2	0	12	0	14	Không đạt	Vắng thi nói
440	202101039	HOÀNG THỦY	LINH	19/11/2003	K10D	6	0	12	0	18	Không đạt	Vắng thi nói
441	202101041	LÒ THỊ	LINH	11/10/2002	K10D	9	0	9	0	18	Không đạt	Vắng thi nói
442	202102048	NGUYỄN THUỖ	LINH	15/03/2003	K10TN					0	Không đạt	Vắng
443	202102049	NHŨ NGỌC	LINH	29/10/2003	K10TN	13	0	15	12	40	Không đạt	
444	202103049	NGUYỄN DIỆU	LINH	05/01/2003	K10XH	8	2	8	5	23	Không đạt	
445	202103050	TRẦN KHÁNH	LINH	16/12/2003	K10XH	12	10	12	11	45	Không đạt	
446	202104161	ĐOÀN HÀ MAI	LINH	10/12/2003	K10L4	13	4	10	0	27	Không đạt	
447	202104164	NGUYỄN NGỌC	LINH	06/12/2003	K10L2	5	2	9	9	25	Không đạt	
448	202104165	NGUYỄN THUỖ	LINH	28/05/2003	K10L3	13	2	12	13	40	Không đạt	
449	202104166	TRẦN THỊ THUỖ	LINH	26/12/2003	K10L4	11	10	12	10	43	Không đạt	
450	202104167	HOÀNG KHÁNH	LINH	27/09/2003	K10L5	15	14	12	12	53	Đạt	
451	202104168	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	23/04/2003	K10L6	17	10	24	11	62	Đạt	
452	202104170	TRẦN NAM HOÀNG	LINH	03/11/2003	K10L2	12	12	15	17	56	Đạt	
453	202104171	TRẦN PHƯƠNG	LINH	16/10/2003	K10L3	17	12	24	8	61	Đạt	
454	202104172	TRỊNH THỊ DIỆU	LINH	10/12/2003	K10L4	24	13	24	0	61	Không đạt	VPQC
455	202104387	ĐỖ BẢNG	LINH	12/11/2003	K10L2	17	16	13	22	68	Đạt	
456	202104388	LƯU ĐIỂM	LINH	12/10/2002	K10L1	17	11	18	12	58	Đạt	
457	202104389	MẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	22/03/2002	K10L6	18	13	24	11	66	Đạt	
458	202104390	NGUYỄN PHAN DIỆU	LINH	11/11/2003	K10L1	18	12	19	15	64	Đạt	
459	202105052	LÝ KHÁNH	LINH	28/10/2003	K10NN	19	12	17	11	59	Đạt	
460	202105053	TRỊNH THUỖ	LINH	21/12/2002	K10NN	18	12	16	14	60	Đạt	
461	202105056	TRẦN VŨ PHƯƠNG	LINH	01/12/2003	K10NN	17	13	17	8	55	Đạt	
462	202105113	TRẦN HÀ	LINH	09/12/2003	K10NN	17	10	16	15	58	Đạt	
463	202106189	CHU NGỌC VÂN	LINH	30/10/2003	K10CC5	16	4	13	12	45	Không đạt	
464	202106190	ĐỖ THUỖ	LINH	23/10/2003	K10CC6	20	17	21	17	75	Đạt	
465	202106195	LÊ THUỖ	LINH	23/07/2003	K10CC4	20	11	14	14	59	Đạt	
466	202106196	LÝ BẢO	LINH	13/04/2002	K10CC5	7	11	15	15	48	Không đạt	
467	202106197	NGÔ THỊ KHÁNH	LINH	04/09/2003	K10CC6	17	13	16	14	60	Đạt	
468	202106199	NGUYỄN NGỌC	LINH	28/09/2003	K10CC7	13	15	14	17	59	Đạt	
469	202106200	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/05/2003	K10CC1	16	11	17	13	57	Đạt	
470	202106201	NGUYỄN THUỖ	LINH	01/12/2003	K10CC2	17	10	14	12	53	Đạt	
471	202106202	NGUYỄN THUỖ	LINH	15/11/2003	K10CC3	15	11	14	10	50	Đạt	
472	202106203	PHẠM THẢO	LINH	30/12/2003	K10CC4	16	13	15	16	60	Đạt	
473	202106206	TRỊNH GIA	LINH	03/12/2003	K10CC2	19	14	15	16	64	Đạt	
474	202106207	TRỊNH MAI	LINH	22/05/2003	K10CC1	16	13	16	15	60	Đạt	
475	202106208	VŨ TRANG	LINH	22/12/2003	K10CC2	18	8	15	14	55	Đạt	
476	202106209	BÙI THUỖ	LINH	13/11/2003	K10CC3	19	17	16	16	68	Đạt	
477	202106211	ĐỖ KHÁNH	LINH	07/10/2002	K10CC5	16	9	17	13	55	Đạt	
478	202106213	ĐẶNG THỊ TÚ	LINH	23/01/2003	K10CC7	14	8	12	13	47	Không đạt	
479	202106216	NGUYỄN KHÁNH	LINH	22/07/2003	K10CC3	20	17	16	13	66	Đạt	
480	202106217	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	20/11/2003	K10CC4	17	3	7	12	39	Không đạt	
481	202106218	NGUYỄN TRẦN VIỆT	LINH	28/06/2003	K10CC7	17	12	13	0	42	Không đạt	Vắng thi nói
482	202106219	TRẦN THỊ	LINH	03/05/2003	K10CC5	17	13	17	13	60	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
483	202106220	TRỊNH HÀ	LINH	06/08/2003	K10CC6	17	9	13	11	50	Đạt	
484	202107028	PHẠM KHÁNH	LINH	05/08/2003	K10TLH	19	19	19	16	73	Đạt	
485	202202041	ĐÌNH THỊ DIỆU	LINH	13/09/2004	K11TN	15	4	11	0	30	Không đạt	Vắng thi nói
486	202202046	VŨ THUỶ	LINH	01/11/2004	K11TN	13	13	10	9	45	Không đạt	
487	202204213	BÙI ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	17/01/2004	K11L6	20	14	18	12	64	Đạt	
488	202204217	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	05/09/2004	K11L6	15	18	8	0	41	Không đạt	Vắng thi nói
489	202204223	NGUYỄN BÁ HOÀNG	LINH	22/10/2004	K11L1	20	15	21	17	73	Đạt	
490	202204237	PHƯƠNG HÀ	LINH	17/01/2004	K11L6	9	0	6	0	15	Không đạt	Vắng thi nói
491	202205046	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	29/02/2004	K11NN2	16	14	14	12	56	Đạt	
492	202206228	ĐÀO KHÁNH	LINH	18/12/2004	K11CC4	12	2	12	0	26	Không đạt	
493	202206230	HOÀNG THỊ NHẬT	LINH	26/10/2004	K11CC1	17	19	13	20	69	Đạt	
494	202206237	NGUYỄN KHÁNH	LINH	28/08/2004	K11CC6	16	12	15	14	57	Đạt	
495	202206248	TRƯỜNG KHÁNH	LINH	11/08/2004	K11CC4	21	22	17	14	74	Đạt	
496	202206249	VÕ THỊ	LINH	20/02/2004	K11CC5	12	5	13	0	30	Không đạt	Vắng thi nói
497	202106221	LÊ BÍCH	LOAN	27/10/2003	K10CC7	13	8	12	12	45	Không đạt	
498	202206253	BÙI THỊ MAI	LOAN	04/04/2002	K11CC2	17	2	12	13	44	Không đạt	
499	202202047	BÙI THANH	LỢI	27/07/2004	K11TN	14	4	13	0	31	Không đạt	Vắng thi nói
500	202101042	NGUYỄN THÀNH	LONG	11/12/2003	K10D	21	12	17	14	64	Đạt	
501	202104174	NGUYỄN THÁI	LONG	26/08/2003	K10L6	15	12	13	8	48	Không đạt	
502	202104177	GIANG THÀNH	LONG	29/09/2003	K10L3	9	9	12	8	38	Không đạt	
503	202201037	LÝ TIỂU	LONG	15/06/2002	K11D	11	0	10		21	Không đạt	Vắng thi nói
504	202204243	HOÀNG NGUYỄN BẢO	LONG	01/11/2004	K11L6	10	0	6	8	24	Không đạt	
505	202206255	ĐOÀN VIỆT	LONG	22/12/2004	K11CC4	7	6	10	0	23	Không đạt	
506	202206258	HÀ BẢO	LONG	18/09/2004	K11CC1	11	13	13	6	43	Không đạt	
507	202106228	ĐÀM ĐÌNH	LỰC	07/12/2002	K10CC7	4	0	9	6	19	Không đạt	
508	202106229	CUNG ĐỨC	LUÔNG	10/11/2003	K10CC1	14	11	12	9	46	Không đạt	
509	202106230	TRƯỜNG THỊ TUYẾT	LY	21/11/2003	K10CC2	13	11	16	8	48	Không đạt	
510	202106231	VŨ THỊ CẨM	LY	07/07/2003	K10CC3	13	10	12	5	40	Không đạt	
511	202204249	NGÔ LƯU CẨM	LY	27/10/2004	K11L1	22	18	16	12	68	Đạt	
512	202204252	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	15/12/2004	K11L6	16	20	13	11	60	Đạt	
513	202106232	DƯƠNG CÔNG	LÝ	12/11/2003	K10CC4	10	8	12	8	38	Không đạt	
514	202004093	TRẦN THỊ	MAI	10/09/2002	K9L2	10	2	7		19	Không đạt	Vắng thi nói
515	202006106	ĐẶNG TUYẾT	MAI	07/01/2002	K9CC3	8	1	10	12	31	Không đạt	
516	202006107	ĐỖ QUỲNH	MAI	17/07/2002	K10CC2	15	14	15	12	56	Đạt	
517	202104180	LƯU NGỌC	MAI	06/12/2003	K10L6	15	12	11	8	46	Không đạt	
518	202104181	TRẦN VŨ TUYẾT	MAI	05/02/2003	K10L1	12	14	9	9	44	Không đạt	
519	202104182	ĐINH NGỌC	MAI	04/09/2003	K10L2	13	14	12	11	50	Đạt	
520	202106234	QUÁCH HƯƠNG	MAI	12/10/2003	K10CC6	8	16	15	0	39	Không đạt	VPQC
521	202106235	ĐẶNG QUỲNH	MAI	20/08/2003	K10CC7	10	19	9	5	43	Không đạt	
522	202204258	TRẦN HIỀN	MAI	05/12/2004	K11L6	12	15	11	8	46	Không đạt	
523	202206263	CAO THỊ NGỌC	MAI	15/12/2004	K11CC4	15	14	18	12	59	Đạt	
524	202104391	NGUYỄN TUẤN	MẠNH	01/12/2003	K10L2	16	13	8	2	39	Không đạt	
525	202106238	VƯƠNG HÀ	MÃY	07/05/2003	K10CC3	18	18	16	9	61	Đạt	
526	202104184	CHẢO THỊ	MÃY	07/01/2003	K10L4	14	0	15	4	33	Không đạt	
527	202202050	LY NA	ME	06/03/2004	K11TN	13	1	14		28	Không đạt	Vắng thi nói
528	202004100	NGÔ QUỐC	MINH	01/04/2002	K11L3	17	13	16	8	54	Đạt	
529	202101044	HOÀNG CÔNG	MINH	01/01/2003	K10D	14	10	9	6	39	Không đạt	
530	202101046	NGUYỄN ĐOÀN TÚ	MINH	28/03/2003	K10D	15	18	13	12	58	Đạt	
531	202104186	NGUYỄN HỮU	MINH	01/03/2003	K10L6	16	12	19	11	58	Đạt	
532	202104187	PHẠM VĂN	MINH	07/10/2003	K10L1	18	14	15	10	57	Đạt	
533	202104188	NGUYỄN QUANG	MINH	30/05/2003	K10L2	15	8	14	16	53	Đạt	
534	202104191	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	18/11/2003	K10L5	17	15	15	13	60	Đạt	
535	202104393	NGUYỄN TUỆ	MINH	25/12/2003	K10L2	22	18	20	19	79	Đạt	
536	202106240	ĐÌNH THÀNH	MINH	04/08/2003	K10CC5					0	Không đạt	Vắng
537	202106241	LÊ ĐỨC	MINH	23/04/2003	K10CC6					0	Không đạt	Vắng
538	202202051	VÕ NHẬT	MINH	17/08/2004	K11TN	12	13	13	12	50	Đạt	
539	202204264	HÀ NGỌC	MINH	08/07/2004	K11L6	12	8	16	6	42	Không đạt	
540	202203067	PHÙNG THỨY	MŨ	01/05/2004	K11XH1	18	14	15	10	57	Đạt	
541	202104193	NGUYỄN ÁNH	MÙI	09/04/2003	K10L1	12	10	11	8	41	Không đạt	
542	202104194	ĐỖ THỊ	MỪNG	12/02/2003	K10L2	16	12	16	11	55	Đạt	
543	202104195	TRẦN THỊ QUỲ	MY	06/09/2003	K10L3	17	8	17	12	54	Đạt	
544	202104394	NGUYỄN THẢO	MY	23/12/2003	K10L3	16	12	11	6	45	Không đạt	
545	202106244	BÙI THỊ TRÀ	MY	10/09/2003	K10CC2	18	13	14	0	45	Không đạt	
546	202106246	ĐỖ TRÀ	MY	12/11/2003	K10CC4	17	18	4	13	52	Không đạt	
547	202106247	HOÀNG VŨ TRÀ	MY	15/03/2002	K10CC5	14	3	14	9	40	Không đạt	
548	202106250	LÊ HÀ	MY	24/10/2003	K10CC1	13	13	17	10	53	Đạt	
549	202206275	DƯƠNG HUYỀN	MY	05/09/2004	K11CC6	7	0	12	8	27	Không đạt	
550	202101047	TRỊNH HOÀNG	NAM	23/05/1994	K10D	9	2	7	8	26	Không đạt	
551	202102053	HÀ ĐỨC	NAM	13/09/2003	K10TN	19	9	14	13	55	Đạt	
552	202104197	NGUYỄN THÀNH	NAM	03/12/2002	K10L5					0	Không đạt	Vắng

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
553	202104198	TRẦN XUÂN	NAM	01/06/2003	K10L6	22	14	17	11	64	Đạt	
554	202104199	VŨ HOÀNG	NAM	04/09/2003	K10L1	18	14	18	16	66	Đạt	
555	202104203	VŨ ĐỨC	NAM	24/07/2002	K10L4	14	0	11	12	37	Không đạt	
556	202106252	HOÀNG HẢI	NAM	28/10/2003	K10CC3	18	13	13	14	58	Đạt	
557	202204274	NGUYỄN HẢI	NAM	08/01/2004	K11L3	9	0	7	12	28	Không đạt	
558	202207081	ĐẶNG HẢI	NAM	01/04/2004	K11TLH2	22	19	21	15	77	Đạt	
559	202104204	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGA	04/01/2003	K10L6	18	10	19	12	59	Đạt	
560	202104205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NGA	10/06/2003	K10L1	17	11	15	17	60	Đạt	
561	202104397	PHẠM THỊ	NGA	12/12/2001	K10L6					0	Không đạt	Vắng
562	202105061	LŨNG THỊ PHƯƠNG	NGA	06/11/2003	K10NN	11	13	14	8	46	Không đạt	
563	202106255	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	09/07/2003	K10CC6	10	12	16	12	50	Đạt	
564	202206285	HOÀNG THỊ	NGA	13/02/2004	K11CC3					0	Không đạt	Vắng
565	202104206	HOÀNG THỊ NGỌC	NGÀ	08/03/2003	K10L2	16	14	16	10	56	Đạt	
566	202203071	ĐINH HƯƠNG	NGÀ	09/05/2004	K11XH1	10	0	11	5	26	Không đạt	
567	202004110	HOÀNG DẠ	NGÂN	03/04/2002	K10L3	13	14	13	16	56	Đạt	
568	202006118	NGUYỄN KIM	NGÂN	08/09/2002	K10CC2	10	4	9	5	28	Không đạt	
569	202103063	TRẦN THỊ THUỶ	NGÂN	26/03/2003	K10XH	11	2	10	2	25	Không đạt	
570	202104207	HỒ TÚ	NGÂN	04/05/2003	K10L3	8	6	10	12	36	Không đạt	
571	202104209	NGÔ THỊ	NGÂN	22/12/2003	K10L4	10	8	10	8	36	Không đạt	
572	202106259	NGUYỄN KIM	NGÂN	20/01/2003	K10CC3	16	11	13	12	52	Đạt	
573	202201044	VÕ KIM	NGÂN	23/06/2004	K11D	20	21	20	15	76	Đạt	
574	202203072	TRỊNH ĐÀO HÀ	NGÂN	21/08/2004	K11XH2	17	13	15	13	58	Đạt	
575	202104210	LŨU THỊ MINH	NGHĨA	20/05/2003	K10L6	20	13	16	15	64	Đạt	
576	202101049	ĐẶNG BẢO	NGỌC	05/12/2003	K10D	22	9	16	4	51	Không đạt	
577	202103064	DƯƠNG NHƯ	NGỌC	26/11/2003	K10XH	21	18	16	12	67	Đạt	
578	202103065	NGUYỄN MINH	NGỌC	01/07/2003	K10XH	20	14	17	13	64	Đạt	
579	202104212	ĐÀO NGUYỄN	NGỌC	21/06/2003	K10L2	15	13	14	13	55	Đạt	
580	202104214	BÙI HOÀNG	NGỌC	28/07/2003	K10L4					0	Không đạt	Vắng
581	202104398	LŨNG THỊ THUỶ	NGỌC	17/06/2003	K10L3	16	10	13	0	39	Không đạt	
582	202105065	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	12/06/2003	K10NN	13	11	12	2	38	Không đạt	
583	202106267	DẪN BÍCH	NGỌC	01/01/2003	K10CC3	19	15	15	14	63	Đạt	
584	202106268	NGUYỄN QUỲ HẢI	NGỌC	18/10/2003	K10CC4	15	14	15	8	52	Đạt	
585	202107031	HOÀNG MINH	NGỌC	29/09/2003	K11TLH1	19	21	20	18	78	Đạt	
586	202107056	TRẦN HỒNG	NGỌC	14/09/2003	K10TLH	17	15	15	15	62	Đạt	
587	202203073	PHẠM MINH	NGỌC	23/01/2004	K11XH1	12	13	8	14	47	Không đạt	
588	202206292	ĐOÀN THỊ ANH	NGỌC	23/02/2004	K11CC3	10	0	10		20	Không đạt	Vắng thi nói
589	202207087	NGUYỄN MINH	NGỌC	22/02/2004	K11TLH2	18	12	18	12	60	Đạt	
590	202006123	HOANGF BAOR	NGOCJ	07/01/2002	K10CC2	16	11	15	16	58	Đạt	
591	202104218	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	11/08/2003	K10L2	14	12	10		36	Không đạt	Vắng thi nói
592	202204289	NGUYỄN ĐÌNH	NGUYỄN	07/08/2003	K11L7	13	10	15	1	39	Không đạt	
593	2019050049	PHẠM CÔNG	NGUYỄN	02/03/1994	K8NN1	8	13	9		30	Không đạt	Vắng thi nói
594	202102057	KIỀU THỊ ANH	NGUYỆT	15/07/2003	K10TN	19	12	12	10	53	Đạt	
595	202106271	PHẠM ANH	NGUYỆT	30/07/2003	K10CC7	19	12	15	14	60	Đạt	
596	202005062	NGUYỄN THỊ	NHÂM	10/01/2002	K9NN2	22	21	18	17	78	Đạt	
597	202105066	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	16/01/2003	K10NN	17	9	7	1	34	Không đạt	
598	202206299	NGUYỄN THỊ	NHÂN	15/03/2004	K11CC2					0	Không đạt	Vắng
599	202101050	HUỲNH NGỌC VÂN	NHI	13/07/2003	K10D	20	10	15	14	59	Đạt	
600	202102058	NGUYỄN THỊ	NHI	28/03/2003	K10TN	20	13	16	11	60	Đạt	
601	202102059	ĐINH LINH	NHI	30/08/2000	K10TN	17	12	17	13	59	Đạt	
602	202102060	TRẦN YẾN	NHI	11/08/2003	K10TN	19	17	18	18	72	Đạt	
603	202103067	NGUYỄN THỊ LINH	NHI	15/12/2003	K10XH	11	9	11	1	32	Không đạt	
604	202104219	NGÔ THIỀU YẾN	NHI	19/01/2003	K10L3	13	11	13	9	46	Không đạt	
605	202104222	HOÀNG THỊ XUÂN	NHI	01/06/2003	K10L6	15	8	11	10	44	Không đạt	
606	202106273	ĐINH PHƯƠNG	NHI	15/11/2003	K10CC2	15	16	17	18	66	Đạt	
607	202106275	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	11/03/2003	K10CC4	15	13	13	18	59	Đạt	
608	202106276	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	08/08/2003	K10CC5	10	18	9		37	Không đạt	Vắng thi nói
609	202106277	PHẠM TUYẾT	NHI	23/04/2003	K10CC6	16	12	10	14	52	Đạt	
610	202106278	NGUYỄN ĐIỀU	NHI	09/07/2003	K10CC7	19	10	15	15	59	Đạt	
611	202106279	NGUYỄN HƯƠNG	NHI	04/09/2003	K10CC1	16	10	10	15	51	Đạt	
612	202201047	ĐỖ NGỌC	NHI	03/07/2004	K11D	18	13	13	13	57	Đạt	
613	202205064	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	07/02/2004	K11NN2	14	13	15	14	56	Đạt	
614	201906079	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	NHU	24/02/2001	K8CC1	16	1	16	13	46	Không đạt	
615	202103068	ĐINH THỊ QUỲNH	NHU	09/09/2003	K10XH	16	10	11	14	51	Đạt	
616	202106283	LÊ QUỲNH	NHU	25/10/2003	K10CC5	17	8	17	13	55	Đạt	
617	202101051	BÙI HỒNG	NHUNG	26/12/2003	K10D	17	8	16	14	55	Đạt	
618	202102061	LÊ HỒNG	NHUNG	06/10/2003	K10TN	17	11	16	5	49	Không đạt	
619	202102062	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	08/11/2003	K10TN	0	0	0	12	12	Không đạt	VPQC
620	202103069	HOÀNG PHƯƠNG	NHUNG	03/01/2003	K10XH	15	14	16	16	61	Đạt	
621	202104229	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	02/01/2003	K10L1	8	1	12	9	30	Không đạt	
622	202104399	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	27/10/2003	K10L3	0	6	5		11	Không đạt	Vắng thi nói

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
623	202106284	ĐỖ THỊ HỒNG	NHUNG	26/09/2002	K10CC6	18	3	15	12	48	Không đạt	
624	202204299	LÊ THỊ	NHUNG	05/07/2004	K11L5	15	8	17	0	40	Không đạt	
625	202206309	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	09/10/2004	K11CC5	15	8	11		34	Không đạt	Vắng thi nói
626	202004120	PHẠM THỊ	NINH	07/02/2000	K9L2					0	Không đạt	Vắng
627	202106285	TÔ PHÚC THU	NINH	13/06/2003	K10CC7	19	14	15	9	57	Đạt	
628	202104401	PHẠM THỊ	NỮ	26/11/2002	K10L3	18	13	16	12	59	Đạt	
629	202106287	VŨ THỊ	OANH	14/04/2003	K10CC2	18	13	14	15	60	Đạt	
630	202104232	TRẦN KHẮC	PHÁT	18/01/2003	K10L3	14	5	9	8	36	Không đạt	
631	202106288	NGUYỄN ẪN	PHÁT	25/01/2003	K10CC3	13	3	7		23	Không đạt	Vắng thi nói
632	202203077	ĐẶNG VƯƠNG TUẤN	PHI	08/08/2004	K11XH1	15	13	11	14	53	Đạt	
633	202104233	ĐOÀN NAM	PHONG	11/08/2003	K10L5	13	5	9	14	41	Không đạt	
634	202104234	TRẦN ĐẠI	PHONG	01/05/2003	K10L6	10	6	12	8	36	Không đạt	
635	202104235	BÙI DUY	PHONG	15/10/2003	K10L1	12	0	11		23	Không đạt	Vắng thi nói
636	202104236	HÀ BẢO	PHONG	19/12/2003	K10L2	15	14	13	11	53	Đạt	
637	202104237	NGUYỄN THỂ	PHONG	04/07/2003	K10L5	17	15	15	13	60	Đạt	
638	202106290	NGUYỄN THANH	PHONG	03/03/2003	K10CC5	17	10	14	10	51	Đạt	
639	202204307	NGUYỄN HUY	PHÚC	26/10/2004	K11L6	15	13	12	9	49	Không đạt	
640	202104404	LE HA	PHUONG	29/07/2003	K10L6					0	Không đạt	Vắng
641	202206323	NGUYỄN THU	PHUONG	04/11/2004	K11CC6	18	12	13	12	55	Đạt	
642	202102064	BÙI THANH	PHƯƠNG	31/12/2003	K10TN	13	11	13	14	51	Đạt	
643	202102066	BÙI HÀ	PHƯƠNG	05/10/2003	K10TN	16	13	14	14	57	Đạt	
644	202104241	LÊ PHẠM MINH	PHƯƠNG	22/08/2003	K10L1	17	21	21	15	74	Đạt	
645	202104242	LÊ THU	PHƯƠNG	14/09/2003	K10L2	15	14	12	13	54	Đạt	
646	202104243	TẠ THỊ	PHƯƠNG	01/03/2003	K10L3	13	10	18	11	52	Đạt	
647	202104245	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHƯƠNG	04/06/2003	K10L5	11	2	14	4	31	Không đạt	
648	202104402	ĐẶNG THUỶ	PHƯƠNG	28/08/2003	K10L2	14	14	12	12	52	Đạt	
649	202104403	HOÀNG THANH	PHƯƠNG	14/10/2003	K10L5	15	14	15	11	55	Đạt	
650	202104405	NGÔ THU	PHƯƠNG	20/08/2003	K10L6	15	14	17	8	54	Đạt	
651	202104406	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	01/10/2003	K10L1	21	17	21	15	74	Đạt	
652	202105070	NGUYỄN ĐOÀN THU	PHƯƠNG	31/01/2003	K10NN	12	0	16	4	32	Không đạt	
653	202105071	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	23/05/2003	K10NN	16	14	12	10	52	Đạt	
654	202106292	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	20/01/2003	K10CC7	15	14	13	14	56	Đạt	
655	202106293	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	01/03/2003	K10CC1	11	12	9	9	41	Không đạt	
656	202106295	PHAN THU	PHƯƠNG	09/08/2003	K10CC3	17	9	16	14	56	Đạt	
657	202106298	HOÀNG VIỆT	PHƯƠNG	21/06/2003	K10CC6	17	11	14	10	52	Đạt	
658	202106300	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	09/11/2003	K10CC1	5	11	12	10	38	Không đạt	
659	202106302	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	26/02/2003	K10CC3	19	15	14	15	63	Đạt	
660	202107035	NÔNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	25/12/2003	K10TLH	12	8	12	10	42	Không đạt	
661	202204312	LÊ THỊ LAN	PHƯƠNG	05/04/2004	K11L1					0	Không đạt	Vắng
662	202204319	VŨ THỊ MINH	PHƯƠNG	02/10/2004	K11L1	18	15	13	14	60	Đạt	
663	202205070	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	28/09/2003	K11NN2	14	10	13	13	50	Đạt	
664	202205071	QUÁCH NAM	PHƯƠNG	15/11/2003	K11NN1	13	2	13		28	Không đạt	Vắng thi nói
665	202206317	ĐỖ PHÚC MINH	PHƯƠNG	08/02/2004	K11CC6	11	8	10	10	39	Không đạt	
666	202206320	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	26/04/2004	K11CC3	9	5	9		23	Không đạt	Vắng thi nói
667	202206321	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	15/06/2004	K11CC4	17	13	14	12	56	Đạt	
668	202206325	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	07/04/2003	K11CC2	13	14	5	16	48	Không đạt	
669	202206327	TRẦN MINH	PHƯƠNG	27/03/2004	K11CC4	16	8	15	8	47	Không đạt	
670	202104250	VŨ ĐAN	PHƯƠNG	26/11/2003	K10L3	22	16	19	15	72	Đạt	
671	202104407	TRIỆU HỒNG	PHƯƠNG	15/12/2003	K10L1	14	10	15	0	39	Không đạt	VPQC
672	202105072	BÙI MINH	PHƯƠNG	10/11/2003	K10NN	7	3	12	5	27	Không đạt	
673	202106303	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	24/07/2003	K10CC4	6	2	13	5	26	Không đạt	
674	202201050	HOÀNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	01/10/2003	K11D	14	3	10	9	36	Không đạt	
675	202203078	BÙI BÍCH	PHƯƠNG	30/09/2004	K11XH2	14	8	11	14	47	Không đạt	
676	202205072	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	01/03/2004	K11NN2	12	8	6	5	31	Không đạt	
677	202206331	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	28/06/2004	K11CC6	12	11	11	12	46	Không đạt	
678	202103072	LŨ KÍ	PU'	20/05/2003	K10XH	15	14	12	10	51	Đạt	
679	202102069	NINH HỒNG	QUẦN	23/10/2003	K10TN	15	17	15	14	61	Đạt	
680	202102070	VŨ HỒNG	QUẦN	05/11/2003	K10TN	16	12	18	15	61	Đạt	
681	202104251	ĐÀO LONG	QUẦN	29/09/2003	K10L4	6	10	13	10	39	Không đạt	
682	202104252	HOÀNG MINH	QUẦN	28/10/2003	K10L6	14	10	19	4	47	Không đạt	
683	202202064	ĐOÀN ANH	QUẦN	11/09/2004	K11TN	10	10	16	10	46	Không đạt	
684	202103073	ĐÌNH VŨ NHẬT	QUANG	20/12/2003	K10XH	15	18	14	14	61	Đạt	
685	202103074	BÙI ĐÌNH	QUANG	08/01/2003	K10XH	20	20	11	15	66	Đạt	
686	202104255	NGHIÊM PHÚ	QUANG	18/03/2003	K10L3	9	17	9	9	44	Không đạt	
687	202104256	NGUYỄN PHÚC	QUANG	07/08/2003	K10L5	21	22	23	16	82	Đạt	
688	202106304	LÊ ĐỨC MINH	QUANG	11/08/2002	K10CC5	13	9	13	5	40	Không đạt	
689	202201051	NGUYỄN Ữ	QUANG	07/10/2004	K11D	8	9	17		34	Không đạt	Vắng thi nói
690	2019030032	NGUYỄN NGỌC	QUANG	25/07/2001	K8XH1	19	13	12	13	57	Đạt	
691	202105076	ĐỖ KIM	QUẾ	21/07/2003	K10NN					0	Không đạt	Vắng
692	202103076	VÕ HOÀNG	QUÝ	27/07/2003	K10XH	14	11	10	14	49	Không đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
693	202105077	LÃNG ĐỨC	QUỶ	05/08/2003	K10NN	8	8	9	8	33	Không đạt	
694	202106305	LÊ THỊ	QUỶ	06/01/2003	K10CC6	16	16	12	14	58	Đạt	
695	202106307	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỶ	09/05/2003	K10CC1	16	10	13	15	54	Đạt	
696	202104258	CÙ LỆ NHẬT	QUỲÊN	07/06/2003	K11L3	12	10	7	12	41	Không đạt	
697	202104259	NGUYỄN NGỌC	QUỲÊN	12/06/2003	K10L1	15	15	15	15	60	Đạt	
698	202104260	TRIỆU THỊ	QUỲÊN	18/06/2002	K10L2	16	13	14	10	53	Đạt	
699	202106308	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲÊN	31/12/2003	K10CC2	20	18	22	16	76	Đạt	
700	202202069	PHÙNG TÚ	QUỲÊN	09/04/2004	K11TN	10	10	10		30	Không đạt	Vắng thi nói
701	202206336	TRẦN LỆ	QUỲÊN	24/12/2004	K11CC4	14	13	14	0	41	Không đạt	
702	202104263	ĐỖ THỊ DIỄM	QUỲNH	14/02/2003	K10L5	19	17	14	12	62	Đạt	
703	202104265	NGHIÊM NGỌC	QUỲNH	29/01/2003	K10L1	23	13	19	11	66	Đạt	
704	202104268	TRƯƠNG THUY	QUỲNH	08/12/2001	K10L4	19	8	11	6	44	Không đạt	
705	202104409	HOÀNG DIỄM	QUỲNH	29/06/2003	K10L2	17	18	15	14	64	Đạt	
706	202106309	ĐỖ DIỄM	QUỲNH	30/05/2003	K10CC3	19	16	15	9	59	Đạt	
707	202106310	PHẠM LÊ HƯƠNG	QUỲNH	26/10/2003	K10CC4	12	9	7	8	36	Không đạt	
708	202106313	PHẠM NHƯ	QUỲNH	18/11/2003	K10CC7	23	23	15	15	76	Đạt	
709	202106316	TRẦN THỊ	QUỲNH	05/03/2001	K10CC3	13	15	17	11	56	Đạt	
710	202106318	PHẠM LÊ ÁNH	QUỲNH	09/10/2002	K10CC5	14	14	13	9	50	Đạt	
711	202201052	KIỀU THỊ NHƯ	QUỲNH	31/10/2004	K11D	8	9	9		26	Không đạt	Vắng thi nói
712	202204324	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	11/04/2004	K11L6	16	14	11	8	49	Không đạt	
713	202104262	BÁ THỊ NGỌC	QUỲNH0	06/11/2003	K10L4	13	11	12	6	42	Không đạt	
714	202105082	NGUYỄN VĂN NGỌC	SINH	10/01/2003	K10NN	17	13	12	8	50	Đạt	
715	202101057	MA HỒNG	SƠN	23/04/2003	K10D	13	14	14	2	43	Không đạt	
716	202102072	HOÀNG TRƯỜNG	SƠN	25/11/2002	K10TN	10	3	14	6	33	Không đạt	
717	202104269	TRẦN THÁI	SƠN	07/09/2003	K10L5	19	13	15	8	55	Đạt	
718	202105084	NGUYỄN NGỌC	SƠN	11/11/2003	K10NN	21	17	16	14	68	Đạt	
719	202105085	KHẢ NGỌC	SƠN	06/10/2003	K10NN	14	14	14	5	47	Không đạt	
720	202106320	NGUYỄN HỮU	SƠN	30/05/2003	K10CC7	13	11	14	2	40	Không đạt	
721	202106321	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	10/10/2001	K10CC1	6	5	9	8	28	Không đạt	
722	202201056	ĐOÀN TRƯỞNG	SƠN	16/08/2004	K11D	12	9	10		31	Không đạt	Vắng thi nói
723	202204328	NGUYỄN HỒNG	SƠN	04/09/2004	K11L1	15	15	13	9	52	Đạt	
724	202105087	VŨ ĐỨC	TÀI	27/06/2003	K10NN	12	10	13	8	43	Không đạt	
725	202201058	LÊ ĐỨC	TÀI	26/09/2001	K11D	11	10	11	8	40	Không đạt	
726	202102073	NGUYỄN CÔNG	TÂM	30/10/2003	K10TN	13	10	15	8	46	Không đạt	
727	202103077	LÊ NGỌC	TÂM	11/01/2003	K10XH	17	13	9	5	44	Không đạt	
728	202103078	MAI PHƯƠNG	TÂM	26/08/2003	K10XH	16	14	15	5	50	Không đạt	
729	202104273	NGUYỄN MINH	TÂM	19/03/2003	K10L3	16	13	16	8	53	Đạt	
730	202104274	NGÔ THỊ	TÂM	15/12/2003	K10L4	16	14	1	3	34	Không đạt	
731	202104411	NGUYỄN CHỈ	TÂM	21/11/2003	K10L5	16	20	20	15	71	Đạt	
732	202105088	HÀ THANH	TÂM	02/02/2003	K10NN	16	14	16	8	54	Đạt	
733	202106324	HOÀNG MỸ	TÂM	30/10/2003	K10CC4	19	18	18	14	69	Đạt	
734	202106327	MÙI THỊ	TÂM	17/06/2002	K10CC7	19	15	19	9	62	Đạt	
735	202106328	DƯƠNG ẮN	TÂN	16/12/2003	K10CC1	18	8	16		42	Không đạt	Vắng thi nói
736	202106329	HÀ VĂN	THÁI	07/10/2003	K10CC7	19	16	15	13	63	Đạt	
737	202106330	NGUYỄN ĐỨC	THÁI	04/08/2003	K10CC2	9	0	14	5	28	Không đạt	
738	202204335	HOÀNG QUỐC	THÁI	22/12/2004	K11L7					0	Không đạt	Vắng
739	202102074	HÀ THỊ	THẨM	02/11/2003	K10TN	16	15	21	14	66	Đạt	
740	202104278	NGUYỄN VŨ HỒNG	THẨM	23/03/2003	K10L2	14	12	13	11	50	Đạt	
741	202106331	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	03/08/2003	K10CC3	10	10	15	9	44	Không đạt	
742	202202072	NGUYỄN THỊ	THẨM	13/12/2004	K11TN	18	15	16	12	61	Đạt	
743	202201059	LÝ VĂN	THÀNG	05/02/2002	K11D	9	8	13	4	34	Không đạt	
744	202102075	LÝ KIM	THANH	01/10/2003	K10TN	16	15	20	10	61	Đạt	
745	202104282	ĐỖ NGUYỄN HUYỀN	THANH	16/06/2003	K10L6	16	15	12	10	53	Đạt	
746	202104283	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	26/09/2003	K10L1	17	12	13	5	47	Không đạt	
747	202104284	PHẠM BÙI PHƯƠNG	THANH	01/01/2003	K10L2	10	0	14	1	25	Không đạt	
748	202104285	THỊNH THANH	THANH	12/09/2003	K10L3	17	14	14	9	54	Đạt	
749	202104412	VŨ THỊ PHƯƠNG	THANH	15/11/2003	K10L1	22	18	17	14	71	Đạt	
750	202206351	PHAN GIANG TÚ	THANH	04/04/2004	K11CC4	14	10	10	9	43	Không đạt	
751	202207100	PHẠM PHƯƠNG	THANH	20/05/2004	K11TLH1	10	1	11	9	31	Không đạt	
752	202102076	PHẠM HUY	THÀNH	18/02/2003	K10TN	10	17	14	12	53	Đạt	
753	202104287	DƯƠNG TRUNG	THÀNH	09/08/2003	K10L5	12	0	8	0	20	Không đạt	Vắng thi nói
754	202105092	NGUYỄN VĂN	THÀNH	21/10/2003	K10NN	9	1	10	5	25	Không đạt	
755	202105093	LÊ TIẾN	THÀNH	21/05/2003	K10NN	9	9	16	9	43	Không đạt	
756	202106334	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	22/11/2003	K10CC6	14	10	16	8	48	Không đạt	
757	202106413	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	18/07/2003	K10CC7	13	3	12	6	34	Không đạt	
758	202006165	VŨ PHƯƠNG	THẢO	08/11/2002	K9CC3					0	Không đạt	Vắng
759	202101060	NGUYỄN Y THANH	THẢO	09/04/2003	K10D	13	9	15	1	38	Không đạt	
760	202102077	BÙI PHƯƠNG	THẢO	13/10/2003	K10TN	13	8	13	11	45	Không đạt	
761	202102080	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	16/05/2003	K10TN	12	8	14	8	42	Không đạt	
762	202103081	HOÀNG THỊ	THẢO	04/05/2003	K10XH	16	18	15	10	59	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
763	202104290	CAM THỊ	THẢO	01/10/2003	K10L2	19	4	11	6	40	Không đạt	
764	202104291	LÊ PHƯƠNG	THẢO	12/12/2003	K10L3	18	10	15	5	48	Không đạt	
765	202104293	NGUYỄN MINH	THẢO	24/06/2003	K10L5	5	0	11	1	17	Không đạt	
766	202104294	NGUYỄN THU	THẢO	23/09/2003	K10L6	15	9	16	8	48	Không đạt	
767	202104295	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/07/2003	K10L1	14	13	14	13	54	Đạt	
768	202104296	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	28/12/2003	K10L2	17	8	17	8	50	Đạt	
769	202104413	LƯU THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/04/2003	K10L1	16	9	17	6	48	Không đạt	
770	202105094	CHU PHƯƠNG	THẢO	28/09/2003	K10NN	13	11	14	8	46	Không đạt	
771	202105095	LÊ THỊ THANH	THẢO	29/07/2003	K10NN	8	13	11	8	40	Không đạt	
772	202106336	ĐINH THỊ BÍCH	THẢO	03/04/2003	K10CC1	18	8	17	9	52	Đạt	
773	202106337	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	28/02/2003	K10CC2	20	17	19	10	66	Đạt	
774	202106338	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	27/08/2003	K10CC3	20	13	15	10	58	Đạt	
775	202106340	BÙI PHƯƠNG	THẢO	23/09/2001	K10CC5	11	1	9	0	21	Không đạt	Vắng thi nói
776	202204342	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/05/2004	K11L7	16	1	16	6	39	Không đạt	
777	202204348	NGUYỄN THU	THẢO	26/03/2004	K11L6	21	19	21	10	71	Đạt	
778	202205084	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/03/2004	K11NN2	14	17	14	12	57	Đạt	
779	202205087	NGUYỄN LƯƠNG	THIỆN	17/04/2004	K11NN2	13	11	15	9	48	Không đạt	
780	202104300	LÊ HÙNG	THỊNH	24/12/2003	K10L6	18	1	9	8	36	Không đạt	
781	202104414	TĂNG BẢ	THỊNH	09/03/2003	K10L3	16	13	14	12	55	Đạt	
782	202106341	NGUYỄN HỮU	THỊNH	21/12/2002	K10CC6					0	Không đạt	Vắng
783	202103082	BÙI THỊ	THOÀ	07/05/2003	K10XH	18	2	13	0	33	Không đạt	Vắng thi nói
784	202006168	LẠI THỊ MINH	THU	08/02/2002	K10CC6	13	12	14	10	49	Không đạt	
785	202103084	NGUYỄN MINH	THU	04/11/2003	K10XH	18	16	17	8	59	Đạt	
786	202104301	DƯƠNG THỊ HOÀI	THU	19/07/2003	K10L1	20	17	17	9	63	Đạt	
787	202104302	TẦN THỊ KIM	THU	03/08/2003	K10L2	16	14	15	8	53	Đạt	
788	202106344	NGUYỄN HOÀI	THU	30/07/2003	K10CC2	13	9	13	9	44	Không đạt	
789	202106345	NGUYỄN THỊ XUÂN	THU	23/02/2003	K10CC3	12	3	16	8	39	Không đạt	
790	202204355	TRẦN THỊ HOÀI	THU	20/06/2004	K11L6	15	4	13	6	38	Không đạt	
791	202102083	CHU ANH	THỨ	11/09/2002	K10TN	3	0	8	0	11	Không đạt	Vắng thi nói
792	202102084	NGUYỄN ANH	THỨ	26/03/2003	K10TN	5	0	10	0	15	Không đạt	Vắng thi nói
793	202103086	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	24/09/2003	K10XH	16	14	18	8	56	Đạt	
794	202104303	NGUYỄN ANH	THỨ	28/06/2003	K10L3	20	20	20	10	70	Đạt	
795	202106347	PHÙNG MINH	THỨ	01/12/2003	K10CC5	16	4	18	9	47	Không đạt	
796	202106348	VŨ ANH	THỨ	26/03/2003	K10CC6	12	11	19	8	50	Đạt	
797	202106349	NGUYỄN ANH	THỨ	21/09/2003	K10CC4	18	16	18	16	68	Đạt	
798	202204357	TRỊNH THỊ MINH	THỨ	15/03/2004	K11L2	6	4	14	3	27	Không đạt	
799	202206371	PHẠM MINH	THỨ	11/11/2004	K11CC2	17	13	21	8	59	Đạt	
800	202102085	NGUYỄN HUYỀN	THƯỢNG	25/05/2003	K10TN	15	10	15	5	45	Không đạt	
801	202106350	TRẦN THỊ HOÀI	THƯỢNG	13/03/2003	K10CC1	18	18	14	14	64	Đạt	
802	202206375	PHẠM HOÀI	THƯỢNG	10/08/2004	K11CC6	17	3	15	15	50	Không đạt	
803	202105099	MA TIẾN	THƯỢNG	19/02/2003	K10NN	10	0	12	0	22	Không đạt	
804	202104305	NGUYỄN NGỌC	THUY	31/05/2002	K10L5	18	13	15	15	61	Đạt	
805	202104415	PHẠM THỊ THANH	THUY	20/10/2003	K10L1	17	13	16	0	46	Không đạt	VPQC
806	202201066	NGUYỄN BÍCH	THUY	22/11/2004	K11D	17	13	15	0	45	Không đạt	Vắng thi nói
807	202206377	TRẦN THỊ	THUY	01/03/2004	K11CC2	12	1	14	0	27	Không đạt	Vắng thi nói
808	202007010	NGUYỄN THANH	THUY	05/05/2002	K9TLH	19	20	17	14	70	Đạt	
809	202102087	NGUYỄN THỊ	THUY	17/02/2001	K10TN	17	12	16	16	61	Đạt	
810	202104306	HOÀNG MINH	THUY	18/05/2003	K10L6	16	13	14	12	55	Đạt	
811	202105100	MÔNG THỊ NHƯ	THUY	04/01/2003	K10NN	18	10	16	6	50	Không đạt	
812	202106352	NGUYỄN THU	THUY	08/06/2003	K10CC3	15	10	17	13	55	Đạt	
813	202206380	HOÀNG THỊ	THUY	02/10/2004	K11CC4	18	12	15	10	55	Đạt	
814	2018020067	QUẢNG THỊ	THUY	11/11/2000	K7TN2	16	10	14	8	48	Không đạt	
815	201906099	CHU THỊ DIỄM	THUY	21/09/2001	K8CC1	19	4	8	16	47	Không đạt	
816	202106353	LÊ THỊ THU	THUY	17/04/2003	K10CC4	14	10	15	14	53	Đạt	
817	202104308	BÙI THỊ THANH	THUYẾT	09/09/2003	K10L2	15	12	12	10	49	Không đạt	
818	202106355	ĐẶNG NGỌC THUY	TIẾN	10/03/2003	K10CC6	16	18	22	24	80	Đạt	
819	202102088	LÒ VĂN	TIẾN	22/03/2003	K10TN	16	10	13	0	39	Không đạt	Vắng thi nói
820	202104310	HOÀNG QUANG VŨ	TIẾN	11/10/2003	K10L4	16	4	6	5	31	Không đạt	
821	202105102	HỒ VĂN	TIẾN	26/11/2002	K10NN	13	9	12	13	47	Không đạt	
822	202104311	BÀN THỊ THUY	TÌNH	21/06/2003	K10L5	14	3	16	14	47	Không đạt	
823	202204361	NGUYỄN THỊ	TÌNH	13/03/2004	K11L6	17	10	15	11	53	Đạt	
824	202104312	TRẦN QUANG	TOÀN	01/08/2003	K10L6	13	8	12	12	45	Không đạt	
825	202106357	NGUYỄN TIẾN	TOÀN	04/03/2003	K10CC1	11	8	7	5	31	Không đạt	
826	202102089	VŨ THANH	TRÀ	07/12/2003	K10TN	15	8	16	8	47	Không đạt	
827	202104313	NGUYỄN THANH	TRÀ	19/02/2003	K10L1	16	19	18	14	67	Đạt	
828	202104314	NGÔ NGỌC	TRÀ	31/01/2003	K10L2	12	14	16	11	53	Đạt	
829	202106358	ĐẶNG HƯƠNG	TRÀ	27/12/2003	K10CC2	17	17	20	17	71	Đạt	
830	202106359	NGUYỄN THỊ THU	TRÀ	05/11/2002	K10CC3	10	5	17	16	48	Không đạt	
831	202106360	ĐÀO THỊ THU	TRÀ	22/08/2003	K10CC4	11	10	18	16	55	Đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
832	202106361	VŨ HƯƠNG	TRÀ	18/08/2003	K10CC5	16	21	19	18	74	Đạt	
833	202104416	PHÙNG QUẾ	TRÂM	17/04/2003	K10L5	22	21	23	19	85	Đạt	
834	202106363	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	28/10/2003	K10CC7	16	3	16	13	48	Không đạt	
835	202204363	BÙI NGỌC	TRÂM	25/06/2004	K11L2	17	14	19	13	63	Đạt	
836	202005084	NGUYỄN HƯƠNG	TRANG	24/06/2001	K9NN2	9	0	13	3	25	Không đạt	
837	202101067	TRẦN THỦY	TRANG	27/09/2003	K10D	13	2	17	1	33	Không đạt	
838	202102090	NGUYỄN NGÂN	TRANG	15/08/2003	K10TN	13	10	18	11	52	Đạt	
839	202102091	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	01/10/2003	K10TN	11	8	13	14	46	Không đạt	
840	202103088	NGUYỄN THUỖ	TRANG	09/08/2003	K10XH	18	14	16	17	65	Đạt	
841	202104315	NGUYỄN HỒNG	TRANG	09/11/2003	K10L3	15	12	20	18	65	Đạt	
842	202104316	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	29/09/2003	K10L4	16	13	14	15	58	Đạt	
843	202104318	LẠI THỊ	TRANG	15/08/2003	K10L6	14	5	14	16	49	Không đạt	
844	202104321	HOÀNG THỊ	TRANG	22/02/2002	K10L3	15	14	16	13	58	Đạt	
845	202105103	ĐINH THỊ HÀ	TRANG	09/05/2003	K10NN	8	0	13	0	21	Không đạt	
846	202106368	NGUYỄN HÀ	TRANG	06/07/2003	K10CC5	17	14	14	17	62	Đạt	
847	202106369	NGUYỄN THUỖ	TRANG	20/05/2003	K10CC6	19	12	19	19	69	Đạt	
848	202106370	PHẠM PHƯƠNG	TRANG	20/12/2003	K10CC7	17	10	11	15	53	Đạt	
849	202106371	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	27/09/2003	K10CC1	10	12	15	14	51	Đạt	
850	202106372	PHẠM THU	TRANG	10/04/2003	K10CC2	20	15	25	22	82	Đạt	
851	202106373	TRẦN HUYỀN	TRANG	24/08/2003	K10CC3	16	15	16	16	63	Đạt	
852	202106376	ĐỖ THỊ HÀ	TRANG	21/04/2003	K10CC6	0	0	13	0	13	Không đạt	VPQC
853	202106377	ĐẠI QUỲNH	TRANG	15/11/2003	K10CC7	14	5	15	17	51	Không đạt	
854	202106379	NGUYỄN MINH	TRANG	09/09/2003	K10CC2	23	8	16	15	62	Đạt	
855	202106381	VŨ HUYỀN	TRANG	29/08/2003	K10CC4	0	0	15	0	15	Không đạt	VPQC
856	202107045	LÂM KIỀU	TRANG	03/12/2003	K10TLH	9	8	7	15	39	Không đạt	
857	202201068	ĐẶNG THU	TRANG	29/09/2004	K11D	13	3	14	0	30	Không đạt	Vắng thi nói
858	202202082	BUI THUỖ	TRANG	18/08/2004	K11TN					0	Không đạt	Vắng
859	202203093	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	25/03/2004	K11XH1	15	5	15	9	44	Không đạt	
860	202203095	NGUYỄN THU	TRANG	01/07/2004	K11XH1	16	4	15	10	45	Không đạt	
861	202204367	HOÀNG HÀ	TRANG	25/12/2004	K11L6	17	10	14	14	55	Đạt	
862	202204372	NGUYỄN THUỖ	TRANG	08/06/2004	K11L4					0	Không đạt	Vắng
863	202205095	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	28/08/2004	K11NN2	17	8	14	3	42	Không đạt	
864	202206391	HỒ LÊ THU	TRANG	25/07/2004	K11CC1	14	12	12	18	56	Đạt	
865	202206393	LÊ QUỲNH	TRANG	04/01/2004	K11CC6	21	0	10	4	35	Không đạt	
866	202206396	NGUYỄN HƯƠNG	TRANG	13/05/2004	K11CC1	22	18	19	20	79	Đạt	
867	202206399	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	19/08/2004	K11CC5	21	16	18	18	73	Đạt	
868	202206404	NGUYỄN THUỖ	TRANG	15/07/2004	K11CC4	21	16	19	17	73	Đạt	
869	202206406	PHẠM NGỌC THUỖ	TRANG	14/12/2004	K11CC6	10	8	12	8	38	Không đạt	
870	202103090	ĐINH THỊ	TRE	10/02/2003	K10XH	17	4	15	11	47	Không đạt	
871	2019010037	PHAN TÂN	TRỊ	30/08/2001	K10D	20	10	13	9	52	Đạt	
872	202104322	NGUYỄN MINH	TRIẾT	21/01/2003	K10L6	5	0	13	8	26	Không đạt	
873	202106383	NGUYỄN THỊ BẢO	TRINH	11/07/2003	K10CC6	11	8	19	14	52	Đạt	
874	202106384	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	09/05/2003	K10CC7	20	9	14	18	61	Đạt	
875	2018050036	LỖ VĂN	TRONG	19/08/2000	K7NN1					0	Không đạt	Vắng
876	202106386	NGUYỄN THÀNH	TRỌNG	29/06/2003	K10CC2	15	8	16	11	50	Đạt	
877	202102093	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	23/08/2003	K10TN	19	9	18	0	46	Không đạt	
878	202104324	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	26/03/2003	K10L6	15	11	16	4	46	Không đạt	
879	202002049	PHẠM QUANG	TRUNG	02/09/1998	K9TN	16	11	17	1	45	Không đạt	
880	202101070	NGUYỄN BẢO	TRUNG	29/01/2003	K10D	19	3	18	3	43	Không đạt	
881	202105105	LÊ VƯƠNG	TRUNG	28/10/2002	K10NN	18	9	19	8	54	Đạt	
882	202204380	LÊ QUANG	TRUNG	05/12/2004	K11L5	20	16	18	15	69	Đạt	
883	202102094	LÊ VĂN	TRƯỜNG	10/11/2003	K10TN	16	9	15	14	54	Đạt	
884	202102095	BUI THỊ	TÚ	01/09/2003	K10TN	14	8	15	13	50	Đạt	
885	202104327	VŨ THANH	TÚ	25/02/2003	K10L3	16	6	16	5	43	Không đạt	
886	202106388	NGUYỄN MINH	TÚ	24/04/2002	K10CC4	16	8	18	0	42	Không đạt	Vắng thi nói
887	202106390	NGUYỄN MINH	TÚ	10/01/2002	K10CC6	21	8	16	15	60	Đạt	
888	202202087	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	TÚ	19/03/2004	K11TN	17	13	21	0	51	Không đạt	Vắng thi nói
889	202203099	NGUYỄN THANH	TÚ	21/12/2004	K11XH1	17	14	21	15	67	Đạt	
890	202104329	HOÀNG CHÍ	TUẦN	03/04/2003	K10L5	22	12	23	15	72	Đạt	
891	202002051	TRINH MINH	TUẦN	22/02/2002	K9TN	15	8	20	8	51	Đạt	
892	202102097	LÊ CÔNG	TUẦN	20/04/1997	K10TN	15	13	19	8	55	Đạt	
893	202104330	LƯƠNG NGỌC	TUẦN	29/09/2003	K10L6	14	8	19	14	55	Đạt	
894	202105106	HÀ MẠNH	TUẦN	08/11/2003	K10NN	13	2	15	0	30	Không đạt	Vắng thi nói
895	202107049	NGUYỄN QUỐC	TUẦN	14/11/2003	K10TLH	17	12	14	14	57	Đạt	
896	202201072	NGUYỄN XUÂN ANH	TUẦN	14/11/2004	K11D	15	12	18	8	53	Đạt	
897	202203102	NÔNG MINH	TUẦN	01/02/2004	K11XH2	15	20	19	8	62	Đạt	
898	202103095	ĐỖ THANH	TÙNG	26/03/2001	K10XH		20		10	30	Đạt	Kiểm thi
899	202104332	HOÀNG DƯƠNG	TÙNG	04/05/2003	K10L2					0	Không đạt	Vắng
900	202104335	TẠ THANH	TÙNG	07/02/2003	K10L5	10	1	16	0	27	Không đạt	Vắng thi nói

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh iên	Họ à	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng	Xếp loại	Ghi chú
901	202104336	TRẦN THANH	TÙNG	23/09/2003	K10L6	12	1	13	9	35	Không đạt	
902	202106393	NGUYỄN MINH	TÙNG	14/06/2003	K10CC2	13	4	10	11	38	Không đạt	
903	202201073	LÊ DƯƠNG	TÙNG	17/07/2004	K11D	15	10	12	14	51	Đạt	
904	202104337	LÔ VĂN	TUỐNG	12/10/2003	K10L1	20	17	18	0	55	Không đạt	VPQC
905	202104338	PHẠM HÀ	TUYỀN	02/10/2003	K10L2	10	1	10	10	31	Không đạt	
906	202101072	ĐUƠNG THỊ	TUYẾT	01/10/2003	K10D	6	3	11	1	21	Không đạt	
907	202104339	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	21/10/2003	K10L3	14	3	13	2	32	Không đạt	
908	202106395	TRỊNH ÁNH	TUYẾT	17/11/2003	K10CC4	17	8	19	8	52	Đạt	
909	202104343	LƯÔNG THỊ MAI	UYÊN	22/02/2003	K10L1	19	20	18	0	57	Không đạt	Vắng thi nói
910	202106398	ĐÀO THANH	UYÊN	13/02/2003	K10CC5	18	11	20	10	59	Đạt	
911	202106399	LÊ NGUYỄN TÔ	UYÊN	27/11/2003	K10CC1	16	2	17	14	49	Không đạt	
912	202205103	LƯƠNG THỊ THU	UYÊN	28/05/2004	K11NN1					0	Không đạt	Vắng
913	202103096	GIÀNG MÍ	VÀ	08/07/2001	K10XH	8	10	11	8	37	Không đạt	
914	202101073	NGÔ THANH	VĂN	24/10/2003	K10D	13	21	13	5	52	Không đạt	
915	202104344	ĐÌNH HỒNG	VĂN	16/12/2003	K10L2	19	19	18	15	71	Đạt	
916	202104345	LƯƠNG THỊ	VĂN	03/04/2003	K10L3	14	14	15	11	54	Đạt	
917	202104346	VƯƠNG THỊ	VĂN	20/12/2003	K10L4	13	13	14	10	50	Đạt	
918	202104417	LÂM THANH	VĂN	11/04/2003	K10L6	17	15	17	12	61	Đạt	
919	202104418	NGUYỄN THỊ	VĂN	19/02/2003	K10L3	17	2	13	3	35	Không đạt	
920	202106400	NGUYỄN TƯỜNG	VĂN	16/07/2003	K10CC2	17	15	18	9	59	Đạt	
921	202106401	TRẦN THẢO	VĂN	18/10/2003	K10CC3	16	12	15	13	56	Đạt	
922	202102099	BÙI QUANG	VĂN	02/02/2003	K10TN	10	11	15	10	46	Không đạt	
923	202104347	HOÀNG KHÁNH	VI	30/11/2003	K10L5	19	20	21	17	77	Đạt	
924	202106403	ĐỖ HUYỀN	VI	03/07/2003	K10CC5					0	Không đạt	Vắng
925	202106404	NGUYỄN THÚY	VI	24/02/2003	K10CC6	22	14	20	19	75	Đạt	
926	202204395	NGUYỄN HÀ	VI	08/06/2004	K11L6	11	0	6	9	26	Không đạt	
927	202104348	TRIỆU BÁCH	VIỆT	29/10/2003	K10L6	7	9	6	18	40	Không đạt	
928	202104350	NGUYỄN ĐỨC	VINH	09/12/2003	K10L2	19	0	9	8	36	Không đạt	
929	202104351	HOÀNG THẾ	VINH	20/09/2003	K10L3	15	2	9	11	37	Không đạt	
930	202205106	PHẠM QUANG	VINH	06/10/2004	K11NN2	16	16	16	17	65	Đạt	
931	202206429	NGUYỄN THỊ TRÀ	VINH	04/01/2004	K11CC1	16	20	14	15	65	Đạt	
932	202104419	ĐỖ TRỌNG	VĨNH	12/04/2003	K10L1	22	19	25	16	82	Đạt	
933	202104352	CAO ĐÌNH	VŨ	21/04/2003	K10L4					0	Không đạt	Vắng
934	202105109	BÙI THẾ	VŨ	20/02/2003	K10NN	15	2	14	0	31	Không đạt	Vắng thi nói
935	202201075	LƯƠNG TRẦN	VŨ	20/09/2003	K11D	13	8	11	0	32	Không đạt	Vắng thi nói
936	202204398	CAO HỒNG	VŨ	29/07/2004	K11L3					0	Không đạt	Vắng
937	202204400	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG	VUI	25/08/2004	K11L5	22	20	17	19	78	Đạt	
938	202106406	NGUYỄN YẾN	VY	18/12/2003	K10CC1	23	14	19	19	75	Đạt	
939	202106407	NGUYỄN AN	VY	06/06/2002	K10CC2					0	Không đạt	Vắng
940	202107054	NGUYỄN TRIỆU	VY	18/12/2003	K10TLH					0	Không đạt	Vắng
941	202204406	NGUYỄN THỊ	XUÂN	30/07/2004	K11L1	17	16	17	17	67	Đạt	
942	202104420	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	27/09/2003	K10L6	10	2	10	0	22	Không đạt	Vắng thi nói
943	202203110	ĐOÀN HẢI	YẾN	26/05/2004	K11XH2	11	10	11	3	35	Không đạt	
944	202204407	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	09/12/2003	K11L5	15	14	13	16	58	Đạt	
945	202204408	TRẦN HỒNG	YẾN	01/01/2004	K11L6	13	14	14	12	53	Đạt	
946	202206432	ĐOÀN THỊ HẢI	YẾN	02/07/2004	K11CC5	9	9	15	13	46	Không đạt	
947	202206433	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	22/04/2004	K11CC6	12	13	11	8	44	Không đạt	
948	202206436	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	06/04/2004	K11CC6	7	0	11	1	19	Không đạt	

Danh sách gồm 948 thí sinh

TRƯỞNG BAN COI THI

(đã ký)

Đào Thị Thanh Thủy
Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế